








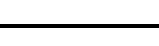





















































MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
1	02-130-22		KHOAN TAY 10" 4-JAW 5/8"	6C/HỘP	TAIWAN	347,000	CÁI
2	02-112-22		KHOAN TAY 12 " 4-JAW 1/2"			420,000	CÁI
3	02-110-22		KHOAN TAY ĐẦU 13 "			413,000	CÁI
4	03-011-22		KHOAN TAY STANLEY 12" 1/4"	6C/HỘP	TAIWAN	290,000	CÁI
5	10-131-S		DAO RỌC GIẤY CÁN NHỰA 9 mm	6C/HỘP	CHINA	13,000	CÁI
6	0-10-150		DAO RỌC GIẤY 9mm	6C/HỘP	UNITED KINGDOM	22,000	CÁI
7	10-143-S		DAO RỌC GIẤY CÁN NHỰA STANLEY 18mm	6C/HỘP	CHINA	19,000	CÁI
8	0-10-151		DAO RỌC GIẤY 18mm, MÀU VÀNG CỎ BẢO BÌ	6C/HỘP	UNITED KINGDOM	26,000	CÁI
9	0-10-480		DAO RỌC GIẤY 18mm	6C/HỘP	TAIWAN	144,000	CÁI
10	10-280-0-23		DAO RỌC GIẤY 18mm	6C/HỘP	TAIWAN	74,000	CÁI
11	STHT10409-8		DAO RỌC GIẤY CÁN BỌC CAO SU _9mm	12C/HỘP	THAILAND	65,000	CÁI
12	STHT10264-8		DAO RỌC GIẤY KHÓA TỰ ĐỘNG 9mm	12C/HỘP	THAILAND	73,000	CÁI
13	STHT10276-8		DAO RỌC GIẤY KHÓA TỰ ĐỘNG 18mm	12C/HỘP	THAILAND	44,000	CÁI
14	STHT10779-8		DAO RỌC CÁP (CÁN NHÔM MÀU VÀNG)	6C/HỘP	CHINA	90,000	CÁI
15	STHT10265-8		DAO RỌC GIẤY NHỰA AA ABS 18mm	12C/HỘP	THAILAND	91,000	CÁI
16	STHT10266-8		DAO RỌC GIẤY KHÓA TỰ ĐỘNG NHỰA TPR 18mm	12C/HỘP	THAILAND	100,000	CÁI
17	STHT10269-8		DAO RỌC GIẤY CAO CẤP 18mm (NHỰA ABS)	12C/HỘP	THAILAND	141,000	CÁI
18	STHT10418-8		DAO RỌC GIẤY CÁN BỌC CAO SU MỀM_18mm	6C/HỘP	THAILAND	97,000	CÁI
19	STHT10425-8		DAO RỌC GIẤY CÁN CAO SU _25mm	6C/HỘP	THAILAND	118,000	CÁI
20	STHT10175-8		DAO RỌC CÁP (CÁN NHÔM+ NHỰA)	6C/HỘP	CHINA	59,000	CÁI
21	10-099		DAO RỌC CÁP, CÁN NHÔM	6C/HỘP	TAIWAN	97,000	CÁI
22	10-189C		DAO RỌC CÁP ĐA NĂNG TỰ ĐỘNG RÚT LƯỠI	6C/HỘP	USA	137,000	CÁI
23	10-789		DAO TRỎ FATMAX XTREME 7in/175mm	6C/HỘP	TAIWAN	198,000	CÁI
24	10-777		DAO RỌC CÁP STANLEY	6C/HỘP	TAIWAN	209,000	CÁI
25	11-300H		LƯỠI DAO RỌC GIẤY 9mm Len 85mm	100 LƯỠI/HỘP	TAIWAN	395,000	HỘP



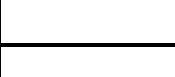
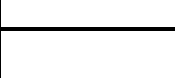







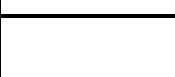

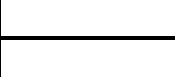











STANLEY













MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
26	11-300T		LƯỠI DAO RỌC GIẤY 9mm LENGTH 85mm	10 LƯỠI/HỘP	TAIWAN	40,000	HỘP
27	STHT11147-8Q		LƯỠI DAO RỌC GIẤY 18mm	10 LƯỠI/HỘP	UNITED KINGDOM	39,000	HỘP
28	11-301H		LƯỠI DAO RỌC GIẤY 18mm LEN 110mm	100C/HỘP	TAIWAN	447,000	HỘP
29	11-301T		LƯỠI DAO RỌC CẤP THẲNG 18mm	10C/HỘP	TAIWAN	47,000	HỘP
30	0-11-325		LƯỠI DAO RỌC CẤP THẲNG	10C/HỘP	TAIWAN	120,000	HỘP
31	11-921T		LƯỠI DAO RỌC CẤP 1992 USA	10C/HỘP	TAIWAN	50,000	HỘP
32	11-921H		LƯỠI DAO RỌC CẤP THẲNG	100C/HỘP	TAIWAN	365,000	HỘP
33	0-11-983		LƯỠI DAO RỌC CẤP CONG	5C/HỘP	UNITED KINGDOM	30,000	HỘP
34	1-11-983		DAO RỌC CẤP LƯỠI CONG 19mm Len 50mm	100C/HỘP	UNITED KINGDOM	424,000	HỘP
35	14-125		DAO CẮT KÍNH 130mm 5 1/8	288C/THÙNG	TAIWAN	61,000	CÁI
36	93-033-22		DAO CẮT ỐNG ĐỒNG 1/8"-3/4", (3-22mm)	10C/HỘP	TAIWAN	75,000	CÁI
37	93-020-22		DAO CẮT ỐNG ĐỒNG 1/8"-1 1/8", (3-28mm)	10C/HỘP	TAIWAN	194,000	CÁI
38	93-021-22		Dao cắt ống đồng 1/8" - 1 1/4" (3-28mm)		TAIWAN	299,000	CÁI
39	93-028-22		DAO CẮT ỐNG STANLEY 6-64mm	6C/HỘP	TAIWAN	546,000	CÁI
40	93-019-1-22		LƯỠI DAO CẮT ỐNG ĐỒNG	10C/HỘP	TAIWAN	209,000	HỘP
41	93-040		BỘ LÃ ỐNG ĐỒNG STANLEY 3/16 - 5/8 inCH	5C/HỘP	TAIWAN	325,000	CÁI
42	1-12-102		BẢO GỖ TAY 102	6C/HỘP	MEXICO	438,000	CÁI
43	1-12-116		BẢO GỖ TAY 110	6C/HỘP	MEXICO	477,000	CÁI
44	1-12-220		BẢO GỖ TAY 220	6C/HỘP	MEXICO	680,000	CÁI
45	1-12-020		BẢO TAY STANLEY 9 1/2	6C/HỘP	MEXICO	727,000	CÁI

















MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
46	1-12-060		60 1/2 BẢO GỖ TAY	6C/HỘP	MEXICO	769,000	CÁI
STANLEY							
47	1-12-034		BẢO GỖ TAY (SB4)	6C/HỘP	MEXICO	1,057,000	CÁI
48	1-12-203		BẢO GỖ TAY (H1203) H/MAN	6C/HỘP	MEXICO	1,364,000	CÁI
49	1-12-204		BẢO GỖ TAY(H1204) H/MAN	6C/HỘP	MEXICO	1,390,000	CÁI
50	1-12-205		BẢO GỖ TAY (H1205) H/MAN, Model: 1-12-205	6C/HỘP	MEXICO	1,730,000	CÁI
51	1-12-004		BẢO GỖ TAY (NO.4 BAILEY).	6C/HỘP	MEXICO	1,803,000	CÁI
52	1-12-005		BẢO GỖ TAY (NO.5 BAILEY)	6C/HỘP	MEXICO	2,025,000	CÁI
53	1-12-078		BẢO GỖ TAY 	6C/HỘP	MEXICO	2,067,000	CÁI
54	1-12-312		LƯỠI BẢO TAY 45mm	6C/HỘP	UNITED KINGDOM	98,000	CÁI
55	0-12-312		LƯỠI BẢO TAY 45mm			172,000	CÁI
56	1-12-313		LƯỠI BẢO THAY THẾ S 2" IRON			111,000	CÁI
57	0-12-330		LƯỠI BẢO TAY	6C/HỘP	UNITED KINGDOM	211,000	CÁI
58	0-12-504		LƯỠI BẢO 35mm G12-060 N.B.	6C/HỘP	UNITED KINGDOM	71,000	CÁI
59	1-12-336		LƯỠI BẢO THAY THẾ 63/64	6C/HỘP	UNITED KINGDOM	146,000	CÁI
60	1-12-350		LƯỠI BẢO THAY THẾ 151	6C/HỘP	UNITED KINGDOM	43,000	CÁI
61	0-12-508		LƯỠI BẢO 40mm G12-020/G12-220NB	6C/HỘP	UNITED KINGDOM	74,000	CÁI
62	STHT20807-8		CỬA SẮT 8-3/4in (220mm)	6C/HỘP	TAIWAN	43,000	CÁI
63	STHT15200-8		KHUNG CỬA SẮT ĐIỀU CHỈNH ĐƯỢC	24C/HỘP	TAIWAN	178,000	CÁI
64	0-15-218		KHUNG CỬA SẮT 150mm-6 BLADE LEN 254mm-10	6C/HỘP	TAIWAN	106,000	CÁI
65	15-265-S		KHUNG CỬA SẮT 10in		CHINA	188,000	CÁI













MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
66	15-565-S		KHUNG CỬA SẮT 10in (CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH)	6C/HỘP	CHINA	104,000	CÁI
67	15-408		KHUNG CỬA SẮT 300mm		TAIWAN	290,000	CÁI
STANLEY							
68	STHT20206-8		KHUNG CỬA SẮT 12"	12C/THÙNG	TAIWAN	123,000	CÁI
69	STHT20138		KHUNG CỬA SẮT 12" TAY CÀM HÌNH CHỮ D	6C/HỘP	CHINA	120,000	CÁI
70	15-113-23		KHUNG CỬA SẮT CAO CẤP	12C/THÙNG	CHINA	383,000	CÁI
71	15-384		CỬA HÌNH CUNG 24" 		CHINA	137,000	CÁI
72	20-036		BỘ KHUNG CỬA SẮT + CỬA SẮT Min	6BỘ/HỘP	TAIWAN	367,000	BỘ
73	15-166		KHUNG CỬA SẮT 450mm	6C/HỘP	TAIWAN	302,000	CÁI
74	15-090		BỘ CỬA TAY 3 LƯỖI	6C/HỘP	USA	479,000	BỘ
75	20-092-23		BỘ CỬA ĐA NĂNG 3 TRONG 1		CHINA	348,000	BỘ
76	STHT15104-8		Cửa thẳng 120mm			115,000	CÁI
77	STHT15106-8		KHUNG CỬA LÔNG 170mm / 6 -3/4" Depth	6C/HỘP	TAIWAN	124,000	CÁI
78	15-275		CỬA LỖ KHÓA	6C/HỘP	USA	222,000	CÁI
79	20-175		LƯỖI CỬA SẮT 18 RĂNG 12in/300mm	100C/HỘP	TAIWAN	3,392,000	HỘP
80	20-176		LƯỖI CỬA SẮT 24 RĂNG 12in/300mm	100C/HỘP	TAIWAN	3,392,000	HỘP
81	15-509-23		CỬA LÁ BÀN LỚN 14" 	36C/THÙNG	CHINA	124,000	CÁI
82	20-600		CỬA CÀM TAY CÓ CỬ NHỰA CẮT GÓC	6C/HỘP	USA	416,000	CÁI
83	STHT20005-8		CỬA GỖ LÁ LIỄU 20"X7T/8P	7C/HỘP	CHINA	173,000	CÁI
84	20-006-23		CỬA GỖ LÁ LIỄU 22"X7T/8P			162,000	CÁI
85	20-007-23		CỬA GỖ LÁ LIỄU 24"X7T/8P			175,000	CÁI
86	20-080		CỬA CẮT CÀNH (LÁ LIỄU) 18in/450Cm		TAIWAN	195,000	CÁI
87	20-081		Cửa thẳng lá liểu 20"		TAIWAN	169,000	CÁI
88	STHT20081-8		CỬA CẮT CÀNH (LÁ LIỄU) 20in/508Cm	12C/HỘP	CHINA	139,000	CÁI
89	STHT20082-8		CỬA CẮT CÀNH (LÁ LIỄU) 22in/550Cm		CHINA	147,000	CÁI
90	20-083-23		CỬA GỖ LÁ LIỄU 6T/7PT 24"	6C/HỘP	CHINA	172,000	CÁI














MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
91	20-502-23		CỬA SẮT CÀNH LÁ LIẾU STANLEY (18 in/450mm)	12C/HỘP	CHINA	132,000	CÁI
92	20-503-23		CỬA GỖ LÁ LIẾU STANLEY	12C/HỘP	CHINA	148,000	CÁI
93	20-504-23		CỬA LÁ LIẾU CÁN GỐT 22"X7T/8PT	12C/HỘP	CHINA	179,000	CÁI
94	16-227		ĐỤC LẤY DẦU 1/4"X4" 	3C/HỘP	CHINA	37,000	CÁI
STANLEY							
95	16-236		ĐỤC LẤY DẦU 3/8"X5-1/2"	3C/HỘP	CHINA	40,000	CÁI
96	47-064		ĐỤNG CỤ ĐÁNH DẤU	6C/HỘP	CHINA	63,000	CÁI
97	58-011		ĐỘT VẠCH DẦU STANLEY	6C/HỘP	CHINA	59,000	CÁI
98	16-273		ĐỤC GỖ 6mm, 1/4in	6C/HỘP	CHINA	108,000	CÁI
99	16-275		ĐỤC GỖ 10mm 3/8"			108,000	CÁI
100	16-276		ĐỤC GỖ 12mm, 1/2in			108,000	CÁI
101	16-278		ĐỤC GỖ 16mm, 5/8in			108,000	CÁI
102	16-279		ĐỤC GỖ CÁN NHỰA MỀM 18mm 3/4"			122,000	CÁI
103	16-281		ĐỤC GỖ 22mm, 7/8in			120,000	CÁI
104	16-282		ĐỤC GỖ CÁN NHỰA MỀM 25mm 1"			126,000	CÁI
105	16-283		ĐỤC GỖ STANLEY 32mm			136,000	CÁI
106	16-284		ĐỤC GỖ CÁN NHỰA MỀM 38mm			140,000	CÁI
107	16-287	Đục gỗ 36mm	160,000	CÁI			
108	16-089		BỘ ĐỤC GỖ 3 CÂY	5BỘ/HỘP	CHINA	180,000	BỘ
109	16-285		ĐỤC GỖ CÁN NHỰA MỀM 3PCS SET	24C/THÙNG	CHINA	328,000	CÁI
110	STHT16120-8		BỘ MŨI ĐỤC GỖ 6 CÂY	12BỘ/HỘP	TAIWAN	254,000	BỘ
111	STHT16287-8		ĐỤC SẮT 1/2 in X 6 in	3C/HỘP	CHINA	54,000	CÁI
112	STHT16288-8		ĐỤC SẮT(5/8 X 7 in	3C/HỘP	CHINA	65,000	CÁI
113	STHT16289-8		ĐỤC NGUỘI (3/4 X 6 in)	3C/HỘP	CHINA	80,000	CÁI
114	STHT16290-8		ĐỤC SẮT (7/8"/22mm)	3C/HỘP	CHINA	140,000	CÁI
115	STHT16291-8		ĐỤC SẮT MŨI DẸP 1" X 12"	3C/HỘP	CHINA	182,000	CÁI
116	22-082B		DŨA XÍCH 5/32 X 8	9C/HỘP	INDONESIA	29,000	CÁI
117	22-083B		DŨA XÍCH 3/16X8"			29,000	CÁI
118	22-083		DŨA XÍCH 3/16X8"			39,000	CÁI
119	22-087B		DŨA XÍCH 7/32X8"			29,000	CÁI
120	22-090		DŨA TAM GIÁC MỊN 4"	6C/HỘP	INDONESIA	44,000	CÁI
121	22-099B		DŨA BÁN NGUYỆT THÔ 10"	12C/HỘP	INDONESIA	181,000	CÁI
122	22-186B		DŨA BÁN NGUYỆT 2ND CUT 6"	40C/THÙNG	INDONESIA	114,000	CÁI
123	22-189B		DŨA BÁN NGUYỆT 2ND CUT 12"	6C/HỘP	INDONESIA	324,000	CÁI

















MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
124	22-210B		Dũa 6" bán nguyệt, mịn			130,000	CÁI
125	22-308-28		Dũa 8" bán nguyệt, thô			161,000	CÁI
126	22-212B		Dũa 10" bán nguyệt, mịn			221,000	CÁI
127	22-192B		Dũa 12" bán nguyệt, mịn			362,000	CÁI
128	22-089B		Dũa 8" tròn			38,000	CÁI
129	22-170-28		DŨA DẸT THÔ 6"	12C/HỘP	INDONESIA	81,000	CÁI
130	22-172B		Dũa 10" dẹp, thô			115,000	CÁI
131	22-173B		DŨA DẸT THÔ 12"	4C/HỘP	INDONESIA	172,000	CÁI
132	22-177B		DŨA DẸT TINH 2ND CUT 12"	6C/HỘP	INDONESIA	182,000	CÁI
133	22-184		Dũa bán nguyệt 6" thô		INDONESIA	125,000	CÁI
134	22-179		Dũa tròn 12" thô		INDONESIA	194,000	CÁI
135	22-193		DŨA TRÒN MỊN 12"		INDONESIA	189,000	CÁI
136	22-196B		DŨA VUÔNG 2ND CUT 10"	12C/HỘP	INDONESIA	117,000	CÁI
137	22-304B		DŨA TAM GIÁC MỊN 4"	12C/HỘP	INDONESIA	34,000	CÁI
138	22-306-28		DŨA TAM GIÁC MỊN 6"			55,000	CÁI
STANLEY							
139	22-309B		DŨA DẸT THÔ 8"		INDONESIA	83,000	CÁI
140	22-183B		Dũa tròn 12", số 2, tinh			200,000	
141	22-180		Dũa tròn 6", số 2, tinh			93,000	
142	22-237B		Dũa tròn 10", mịn			121,000	CÁI
143	22-236B		Dũa tròn 8", mịn			101,000	CÁI
144	22-078H		DŨA CÓ CÁN TAY CẦM 8"	6C/HỘP	INDONESIA	108,000	CÁI
145	22-078HC		DŨA DẸP CÓ CÁN TAY CẦM 8"	6C/HỘP	INDONESIA	108,000	CÁI
146	22-091		Lưỡi Cưa dũa tam giác mịn 4"	6C/HỘP	INDONESIA	46,000	CÁI
147	22-091B		DŨA-DOUBLE EXTRA SLIM 4" 	6C/HỘP	INDONESIA	40,000	CÁI
148	22-093		DŨA TAM GIÁC MỊN 8"		INDONESIA	88,000	CÁI
149	22-096		DŨA MILL BASTARD 10" CARDED	10C/HỘP	INDONESIA	100,000	CÁI
150	22-096B		DŨA-MILL BASTARD	10C/HỘP	INDONESIA	92,000	CÁI
151	22-097B		Dũa 12" dẹp, thô	10C/HỘP	INDONESIA	160,000	CÁI


















MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
152	22-304		DỮA-SLIM TAPERED 4" inDIVI	12C/HỘP	INDONESIA	46,000	CÁI
153	22-306B		Dũa 6" tam giác		INDONESIA	52,000	CÁI
154	22-220B		Dũa vuông 8" số 2, tinh		INDONESIA	86,000	CÁI
155	22-218B		Dũa vuông 8" mịn		INDONESIA	107,000	CÁI
156	22-172-28		Dũa dẹp 10" thô		INDONESIA	137,000	CÁI
157	22-173-28		Dũa dẹp 12" thô		INDONESIA	213,000	CÁI
158	22-305		DỮA TAM GIÁC MỊN 5"	12C/HỘP	INDONESIA	49,000	CÁI
159	22-080B		BỘ DỮA 10"	6C/HỘP	INDONESIA	160,000	BỘ
160	5-21-103		Bào gỗ		CHINA	160,000	CÁI
161	5-21-122		DAO BÀO DỮA GỖ		CHINA	254,000	CÁI
162	5-21-515		LƯỠI DAO BÀO DỮA GỖ	12C/HỘP	UNITED KINGDOM	39,000	CÁI
163	28-500		DAO SỦI	100C/HỘP	USA	61,000	CÁI
164	28-510		LƯỠI DAO SỦI 28-500 HỘP 10 LƯỠI	10 LƯỠI/HỘP	USA	46,000	HỘP
165	11-515		HỘP 100 LƯỠI DAO SỦI 28-500	100 LƯỠI/HỘP	USA	154,000	HỘP
166	29-030-1		CỌ SƠN -ALLMASTER 3/4"	12C/HỘP	CHINA	14,000	CÁI
167	29-031-1		CỌ SƠN -ALLMASTER 1"			30,000	CÁI
168	29-032-1		CỌ SƠN ALLMASTER 1 1/2" 			35,000	CÁI
169	29-033-1		CỌ SƠN -ALLMASTER 2"			57,000	CÁI
170	29-034-1		CỌ SƠN ALLMASTER 2 1/2" 			73,000	CÁI
171	29-035-1		CỌ SƠN -ALLMASTER 3"			119,000	CÁI
172	29-036-1		CỌ SƠN -ALLMASTER 4"			138,000	CÁI
173	5-29-078		BÁNH BÔNG LÃN SƠN 4" BỘ 10 CÁI	10C/BỘ	CHINA	98,000	BỘ


















MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
174	5-29-816		BÁNH BÔNG LĂN SƠN 4" BỘ 10 CÁI	10C/BỘ	CHINA	143,000	BỘ
175	0-29-861		BÔNG LĂN SƠN 7"	12C/TÚI	CHINA	36,000	CÁI
176	2-29-078		BÔNG SƠN Mini 4in BỘ 2 CÁI	10C/HỘP	CHINA	23,000	CÁI
177	2-29-816		BÔNG CÁN SƠN Mini 2/PK	2C/HỘP	CHINA	30,000	CÁI
178	0-29-259		BÔNG CÁN SƠN 7" ACRYLIC YS-	24C/HỘP	CHINA	24,000	CÁI
179	0-29-862		BÔNG CÁN SƠN 9" MOGLOSS-CAGE	24C/HỘP	CHINA	42,000	CÁI
180	1-29-671		CÁN NỐI CỌ LĂN 1.3-2.3M	24C/THÙNG	CHINA	91,000	CÁI
181	1-29-064		CÁN SƠN + BÔNG LĂN 7"	48C/THÙNG	CHINA	74,000	CÁI
182	STHT29095-8MF		CÁN SƠN BÔNG LĂN 16" KÈM BÁNH BÔNG LĂN 4"	48C/THÙNG	CHINA	37,000	CÁI
183	1-29-493		CÁN SƠN BÔNG LĂN 7"	25C/HỘP	CHINA	63,000	CÁI
184	1-29-814		BỘ CÁN SƠN HOÀN THIỆN4"	24BỘ/HỘP	CHINA	30,000	BỘ
185	1-29-494		BỘ CÁN SƠN HOÀN THIỆN7"			59,000	BỘ
186	1-29-069		BỘ CÁN SƠN HOÀN THIỆN9"			78,000	BỘ
187	1-29-400		BỘ CÁN SƠN HOÀN THIỆN9"			68,000	BỘ
188	1-29-401		BỘ CÁN SƠN HOÀN THIỆN9"			66,000	BỘ
189	1-29-480		BỘ KHAY CÁN BÔNG CÁN SƠN	24BỘ/HỘP	CHINA	56,000	BỘ
190	1-29-821		BỘ CÁN SƠN HOÀN THIỆN7" & BÔNG	24BỘ/HỘP	CHINA	80,000	BỘ
191	1-29-822		BỘ KHAY CÁN BÔNG LĂN SƠN 9"	24BỘ/HỘP	CHINA	112,000	BỘ
192	STHT29094-8MF		BÁNH BÔNG CÁN SƠN 4" VỈ 10 CÁI	10C/BỘ	CHINA	113,000	BỘ
193	1-77-174		THƯỚC LĂN ĐO CHIỀU DÀI 40M 318mm-12	6C/THÙNG	INDIA	1,644,000	CÁI







MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
194	0-77-030		Máy đo độ ẩm			785,000	CÁI
STANLEY							
195	1-77-201		CHÂN ĐÉ CAMERA	1C/HỘP	CHINA	802,000	CÁI
196	30-608L		THƯỚC CUỘN THÉP 3M	36C/THÙNG	CHINA	45,000	CÁI
197	30-611L		THƯỚC CUỘN BỌC CAO SU 3.5M	6C/HỘP	CHINA	60,000	CÁI
198	STHT30696-8		THƯỚC CUỘN THÉP 5M	6C/HỘP	CHINA	81,000	CÁI
199	STHT30656-8		THƯỚC CUỘN THÉP 8M	6C/HỘP	CHINA	133,000	CÁI
200	STHT33203-8		Thước POWERLOCK_10'3M Plastic Case-13mm		CHINA	87,000	CÁI
201	STHT30204-840		THƯỚC CUỘN 3M	6C/HỘP	CHINA	35,000	CÁI
202	STHT30496-8		THƯỚC CUỘN THÉP VÀNG _5M/16'-19mm-YELLOW BLADE	6C/HỘP	THAILAND	75,000	CÁI
203	STHT30456-8		THƯỚC CUỘN THÉP VÀNG 8M/26'-25mm-YELLOW BLADE			137,000	CÁI
204	STHT30504-8		THƯỚC CUỘN VỖ GIA CƯỜNG 3m/10x13mm	6C/HỘP	THAILAND	70,000	CÁI
205	STHT30510-8		THƯỚC CUỘN THÉP VỖ GIA CƯỜNG 3.5M/12X13mm	6C/HỘP	THAILAND	74,000	CÁI
206	STHT30505-8		THƯỚC CUỘN THÉP VỖ GIA CƯỜNG 5M/16X19mm			97,000	CÁI
207	STHT30506-8		THƯỚC CUỘN THÉP VỖ GIA CƯỜNG 8M/26X25mm			150,000	CÁI
208	STHT30176-8		THƯỚC CUỘN THÉP 8M/26'-25mm VỖ GIA CƯỜNG	1C/HỘP	THAILAND	196,000	CÁI
209	STHT33215-8		THƯỚC CUỘN THÉP POWERLOCK TAPE RULE_3.5M/12'X13mm	36C/THÙNG		105,000	CÁI









MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
210	STHT33158-8		THƯỚC CUỘN THÉP POWERLOCK_16'5M PLASTIC CASE-19mm	36C/THÙNG	THAILAND	120,000	CÁI
211	STHT33428-8		THƯỚC CUỘN Power LoCk 8M/25' Tape	24C/THÙNG		201,000	CÁI
212	STHT33463-8		THƯỚC CUỘN PowerLoCk_10M/33' Plastic Case-25mm	24C/THÙNG		235,000	CÁI
213	STHT33492-8		THƯỚC CUỘN 2 MẶT BÀN TRẮNG White Series 5m/16'-19mm	40C/THÙNG	CHINA	133,000	CÁI
214	STHT33994-8		Thước cuộn 8m x 25mm		CHINA	120,000	CÁI
STANLEY							
215	STHT33989-840		THƯỚC CUỘN 5m/16' x 19mm	6C/HỘP	CHINA	66,000	CÁI
216	STHT33994-840		THƯỚC CUỘN 8M		CHINA	110,000	CÁI
217	STHT34104-8		THƯỚC CUỘN THÉP 15M, HỆ M	6C/HỘP	THAILAND	220,000	CÁI
218	0-34-105		THƯỚC CUỘN THÉP 20M, HỆ M	6C/HỘP	THAILAND	243,000	CÁI
219	STHT34107-8		THƯỚC DÂY DÀI BẰNG THÉP 30M	6C/HỘP	THAILAND	280,000	CÁI
220	0-34-108		THƯỚC CUỘN THÉP 30M, HỆ M	6C/HỘP	THAILAND	320,000	CÁI
221	STHT34260-8		THƯỚC DÂY SỢI THỦY TINH 15M	6C/HỘP	THAILAND	177,000	CÁI
222	STHT34262-8		THƯỚC DÂY SỢI THỦY TINH / MÀU VÀNG 30M / 100FT			240,000	CÁI
223	STHT34263-8		THƯỚC DÂY SỢI THỦY TINH 50M / 165FT - VÀNG			308,000	CÁI
224	STHT34297-8		THƯỚC DÂY SỢI THỦY TINH 30M			232,000	CÁI
225	STHT34298-8		THƯỚC CUỘN SỢI THỦY TINH 50M, HỆ M			352,000	CÁI
226	0-34-133		THƯỚC DÂY THÉP 20M	6C/HỘP	THAILAND	314,000	CÁI
227	STHT34792-8		THƯỚC DÂY SỢI THỦY TINH 30M	2C/HỘP	THAILAND	354,000	CÁI
228	STHT34791-8		THƯỚC DÂY SỢI THỦY TINH 30M, CÓ TAY CẮM, HỘP KHUÔN ĐÚC CAO SU ABS CHÔNG VÀ CHẠM	2C/HỘP	THAILAND	400,000	CÁI
229	STHT34794-8		THƯỚC DÂY SỢI THỦY TINH 60M, CÓ TAY CẮM, HỘP KHUÔN ĐÚC CAO SU ABS CHÔNG VÀ ĐẬP			441,000	CÁI
230	2-34-777		THƯỚC DÂY SỢI THỦY TINH 100M	2C/HỘP	THAILAND	757,000	CÁI

MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
231	STMT78212-8		Thước lá đo độ dày (25 lá)		CHINA	114,000	CÁI
232	STMT78214-8		THƯỚC CĂN LÁ ĐO KHE HỖ (36 LÁ)	24C/THÙNG	CHINA	191,000	CÁI
233	STHT30204-8		Thước cuộn 3m x 13mm		CHINA	38,000	CÁI
234	STHT42072-8		THƯỚC THỦY 12in/30Cm, NHÔM	10C/HỘP	THAILAND	150,000	CÁI
235	STHT42073-8		THƯỚC THỦY 18in/45Cm, NHÔM	5C/HỘP		180,000	CÁI
236	STHT42074-8		THƯỚC THỦY 24in/60Cm, NHÔM	5C/HỘP		200,000	CÁI
237	STHT42075-8		THƯỚC THỦY 36in/90Cm, NHÔM	5C/HỘP		279,000	CÁI
238	STHT42076-8		THƯỚC THỦY 48in/120Cm, NHÔM	5C/HỘP		335,000	CÁI
239	STHT42291-8		THƯỚC THỦY NHỰA 8"	4C/HỘP	THAILAND	53,000	CÁI
STANLEY							
240	STHT42264-8		THƯỚC THỦY NHỰA 9in/22,5Cm, CÓ TỪ	6C/HỘP	THAILAND	107,000	CÁI
241	STHT42465-8		THƯỚC THỦY SẮT 9in/22,5Cm, CÓ TỪ	6C/HỘP	THAILAND	150,000	CÁI
242	STHT42467-8		THƯỚC THỦY NHỰA ABS HỆ M/ 18" inCH	10C/HỘP	THAILAND	85,000	CÁI
243	STHT42468-8		THƯỚC THỦY 24" NHỰA ABS HỆ M/inCH	40C/THÙNG	THAILAND	103,000	CÁI
244	1-42-922		THƯỚC THỦY IBEAM 100Cm 180 ĐỘ	6C/HỘP	THAILAND	317,000	CÁI
245	STHT43118-8		THƯỚC THỦY CÂN BẰNG DẠNG HỘP Stanley IV Classic 30Cm	10C/HỘP	THAILAND	208,000	CÁI
246	STHT43107-8		THƯỚC THỦY CÂN BẰNG DẠNG HỘP Stanley IV Classic 150Cm			510,000	CÁI
247	STHT43102-8		THƯỚC THỦY HỘP STANLEY IV CLASSIC 40Cm	10C/HỘP	THAILAND	205,000	CÁI
248	STHT43103-8		THƯỚC THỦY 24in/60Cm, HỘP	10C/HỘP		228,000	CÁI
249	STHT43104-8		THƯỚC THỦY 30in/80Cm, HỘP	10C/HỘP		275,000	CÁI
250	STHT43105-8		THƯỚC THỦY 40in/100Cm, HỘP	10C/HỘP		360,000	CÁI
251	STHT43106-8		THƯỚC THỦY 48in/120Cm, HỘP	2C/HỘP		395,000	CÁI
252	STHT1-43112		THƯỚC THỦY HỘP CÓ TỪ 80Cm 	10C/HỘP	THAILAND	377,000	CÁI
253	STHT1-43113		THƯỚC THỦY 40in/100Cm, HỘP	10C/HỘP		541,000	CÁI
254	STHT1-43117		THƯỚC THỦY 80in/200Cm	6C/HỘP		800,000	CÁI
255	43-554		THƯỚC THỦY 24in/60Cm, CÓ TỪ	2C/HỘP	THAILAND	361,000	CÁI
256	43-556		THƯỚC THỦY I BEAM 1200mm MAG			566,000	CÁI
257	43-558		THƯỚC THỦY 78in/200Cm, CÓ TỪ			770,000	CÁI
258	43-537		THƯỚC THỦY CAO CẤP 36" FATMAX II LI 	6C/HỘP	THAILAND	927,000	CÁI
259	45-530		Ế KE GÓC 60Cm X 40Cm (THƯỚC KẼ VUÔNG)			155,000	CÁI

























MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
260	45-600		THƯỚC VUÔNG NHÔM 610mm X 51mm	6C/HỘP	USA	189,000	CÁI
261	45-500		THƯỚC VUÔNG THÉP 24 inCH			210,000	CÁI
262	STHT46530-8		Ề KE MỘC 6in	10C/HỘP	CHINA	230,000	CÁI
263	STHT46532-8		Ề KE MỘC 8in			235,000	CÁI
264	STHT46534-8		Ề KE MỘC 10in			286,000	CÁI
265	STHT46536-8		Ề KE MỘC 12in			350,000	CÁI
266	46-012		THƯỚC EKE THỦY CÁN NHỰA 12"	6C/HỘP	USA	149,000	CÁI
267	46-143		Thước ê ke thủy cân sắt			290,000	CÁI
268	46-028		Ề KE THỦY 12in/30Cm	10C/HỘP	THAILAND	340,000	CÁI
269	46-825-0		THƯỚC Ề KE VUÔNG 8in/203mm	6C/HỘP	CHINA	51,000	CÁI
270	STHT47440-8		BẬT MỰC NHỰA 30M PLASTIC- 6	6C/HỘP	CHINA	55,000	CÁI
STANLEY							
271	47-460		BẬT MỰC 30M 100	1C/HỘP	CHINA	112,000	CÁI
272	47-803-1-23		BỘT MỰC XUNITED KINGDOM BLUE 8 OZ 225GR		CHINA	27,000	CÁI
273	47-804-1-23		BỘT MỰC ĐỎ RED 8 OZ 225GR	12C/THÙNG	CHINA	27,000	CÁI
274	STHT47443-8		BỘ BẬT MỰC + MỰC 30M OPP	5 BỘ/THÙNG	CHINA	90,000	CÁI
275	47-465		BỘ BẬT MỰC + MỰC (30M)	5 BỘ/THÙNG	CHINA	137,000	CÁI
276	47-973		QUẢ DỌI 8 OZ 225GR		USA	327,000	CÁI
277	STHT51112-8		Búa đinh cán sợi thủy tinh 7oz - 200gr		CHINA	174,000	CÁI
278	STHT51071-8		BÚA NHỎ ĐINH STANLEY 16OZ/450G	6C/HỘP	CHINA	198,000	CÁI
279	STHT51072-8		Búa đinh cán sợi thủy tinh 20oz - 570gr		CHINA	233,000	CÁI
280	51-081-23		BÚA NHỎ ĐINH CÁN SẮT, 16OZ/450G	6C/HỘP	CHINA	200,000	CÁI
281	51-082-23		BÚA NHỎ ĐINH CÁN SẮT, 20OZ/570G			245,000	CÁI
282	STHT51369-840		BÚA NHỎ ĐINH CÁN GỖ 13OZ	6C/HỘP	CHINA	118,000	CÁI
283	STHT51339-8		BÚA NHỎ ĐINH CÁN GỖ 16 OZ			112,000	CÁI
284	STHT51370-840		BÚA NHỎ ĐINH CÁN GỖ 16 OZ			118,000	CÁI













MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
285	STHT51371-840		BÚA NHỎ ĐINH CÁN GỖ 20 OZ			139,000	CÁI
286	STHT51271-8		Búa nhỏ đinh cán gỗ 16oz - 450gr			160,000	CÁI
287	STHT51373-8		BÚA NHỎ ĐINH TAY CÀM GỖ HEXAGONAL 13OZ	6C/HỘP	CHINA	109,000	CÁI
288	STHT51374-8		Búa nhỏ đinh, lục giác cán gỗ 20oz - 570gr		CHINA	148,000	CÁI
289	STHT51391		BÚA NHỎ ĐINH CÁN BỌC SỢI THỦY TINH 16 OZ	6C/HỘP	CHINA	178,000	CÁI
290	STHT54189-8		BÚA ĐẦU TRÒN 8OZ/230G	6C/HỘP	CHINA	147,000	CÁI
291	STHT54190-8		BÚA ĐẦU TRÒN 12OZ/340G	6C/HỘP	CHINA	172,000	CÁI
292	STHT54191-8		BÚA ĐẦU TRÒN 16OZ/450G			189,000	CÁI
293	54-192-23		BÚA ĐẦU TRÒN CÁN GỖ 24 OZ			230,000	CÁI
294	54-193-23		BÚA ĐẦU TRÒN 32OZ/910G			271,000	CÁI
295	56-114		BÚA ĐẦU NHỰA STANLEY 35mm	6C/HỘP	CHINA	430,000	CÁI
296	56-202		BÚA GỖ, LỤC GIÁC 40OZ/1.1KG	4C/HỘP	CHINA	370,000	CÁI
297	56-218		BÚA CƠ KHÍ 2.5LB/1.1KG	4C/HỘP	CHINA	366,000	CÁI
298	56-701		BÚA GỖ 2LBS/0.9KG	4C/HỘP	CHINA	340,000	CÁI
299	56-705		BÚA GỖ 3LBS/1.35KG			354,000	CÁI
300	56-803		BÚA GỖ LỤC GIÁC, CÁN GỖ 1400G/ 50OZ	6C/HỘP	TAIWAN	429,000	CÁI
301	56-804		BÚA GỖ LỤC GIÁC, CÁN GỖ 1800G/ 60OZ			438,000	CÁI
302	56-204		BÚA GỖ, LỤC GIÁC 64OZ/1.8KG	4C/HỘP	TAIWAN	423,000	CÁI
STANLEY					CHINA		
303	STHT57527-8		BÚA CAO SU 16OZ/450G	6C/HỘP	CHINA	66,000	CÁI
304	STHT57528-8		BÚA CAO SU 24OZ/675G	6C/HỘP	CHINA	94,000	CÁI
305	56-808		BÚA TẠ CÁN GỖ HICKORY 8LBS 3.6KG	4C/THÙNG	USA	1,661,000	CÁI
306	56-812		BÚA TẠ CÁN GỖ HICKORY 12LBS 5.4 KG	4C/THÙNG		2,425,000	CÁI
307	56-816		BÚA TẠ CÁN GỖ HICKORY 16LBS 7.2KG	2C/THÙNG		2,872,000	CÁI
308	57-530		BÚA NHỰA ĐÚC CÁN LỖI THÉP, 283 GR-1 0 OZ	4C/THÙNG	USA	735,000	CÁI
309	57-531		BÚA NHỰA ĐÚC CÁN LỖI THÉP, 510 GR-18 OZ			860,000	CÁI
310	57-532		BÚA NHỰA ĐÚC CÁN LỖI THÉP, 595 GR-21 OZ			878,000	CÁI
311	57-533		BÚA NHỰA ĐÚC CÁN LỖI THÉP 1190 GR 42 OZ			1,228,000	CÁI
312	57-534		BÚA NHỰA ĐÚC CÁN LỖI THÉP 1500 GR 52 OZ			1,340,000	CÁI
313	55-114		Xà beng đóng 10"		TAIWAN	240,000	CÁI
314	55-115		Xà beng đóng 12"		TAIWAN	320,000	CÁI
315	55-116		XÀ BENG NHỎ ĐINH 8" BLACK FINISH 	6C/HỘP	TAIWAN	244,000	CÁI

















MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT	QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT	
316	55-118		XÀ BENG 5/8 X 18	6C/HỢP	USA	252,000	CÁI
317	55-124		XÀ BENG STANLEY 24in, (600mm)	6C/HỢP		295,000	CÁI
318	55-130		XÀ BENG STANLEY 30in, (750mm)	6C/HỢP		320,000	CÁI
319	55-104		XÀ BENG NHỎ ĐINH 36"	4C/HỢP		588,000	CÁI
320	55-150		XÀ BENG THÂN LỤC GIÁC 1.5M	6C/HỢP	MEXICO	1,280,000	CÁI
321	55-175		Xà beng lục giác 180cm			1,880,000	CÁI
322	STMT60800-8		VÍT BA-KE PH0 X 75mm	12C/HỢP	CHINA	32,000	CÁI
323	STMT60801-8		VÍT BA-KE PH0X100mm			35,000	CÁI
324	STMT60802-8		VÍT BA-KE PH0 X125mm			38,000	CÁI
325	STMT60803-8		TỔ VÍT BA-KE PH0 X150mm			40,000	CÁI
326	STMT60804-8		VÍT BAKE #1X75mm, CÓ TỬ			40,000	CÁI
327	STMT60805-8		VÍT BA-KE PH1 X100mm			43,000	CÁI
328	STMT60806-8		VÍT BA-KE PH1X150mm			45,000	CÁI
329	STMT60807-8		VÍT BA-KE PH1X200mm			48,000	CÁI
330	STMT60808-8		VÍT BAKE #2X38mm			39,000	CÁI
331	STMT60809-8		VÍT BAKE #2X100mm			47,000	CÁI
332	STMT60810-8		VÍT BA-KE PH2X125mm			50,000	CÁI
333	STMT60811-8		VÍT BAKE PH2X150mm			53,000	CÁI
334	STMT60812-8		VÍT BAKE PH2X200mm			56,000	CÁI
335	STMT60813-8		VÍT BA-KE PH2X250mm			59,000	CÁI
336	STMT60814-8		VÍT BA-KE PH3 X150mm			58,000	CÁI
337	STMT60815-8		VÍT BA-KE PH3X200mm			62,000	CÁI
338	STHT65158-8	Tuốc nơ vít bake 0 x 100mm			37,000	CÁI	
339	STHT65159-8		VÍT BAKE #0X125mm, CÓ TỬ	12C/HỢP	CHINA	39,000	CÁI
340	STHT65160-8		VÍT BAKE #0X150mm, CÓ TỬ			44,000	CÁI
341	STHT65164-8		Tuốc nơ vít bake 1 x 150mm			44,000	CÁI
342	STHT65165-8		VÍT BAKE 5 X 200mm, CÓ TỬ			50,000	CÁI
343	STHT65166-8		Tuốc nơ vít bake 2 x 45mm			43,000	CÁI
344	STHT65167-8		Tuốc nơ vít bake 2 x 100mm			47,000	CÁI
345	STHT65168-8		Tuốc nơ vít bake 2 x 125mm			49,000	CÁI
346	STHT65169-8		Tuốc nơ vít bake 2 x 150mm			52,000	CÁI
347	STHT65170-8		Tuốc nơ vít bake 2 x 200mm			55,000	CÁI
348	STHT65171-8		VÍT BAKE #2X250mm, CÓ TỬ			57,000	CÁI
349	STHT65172-8		VÍT BAKE #3X150mm, CÓ TỬ			64,000	CÁI
350	STHT65173-8	VÍT BAKE 8.0 X 200mm, CÓ TỬ	70,000	CÁI			
351	STHT65174-8	VÍT BAKE #3X250mm, CÓ TỬ	75,000	CÁI			
STANLEY							
352	STMT60816-8		Tuốc nơ vít PH3 X250MM			68,000	CÁI
353	STMT60817-8		VÍT DẸP 3mmX75mm			33,000	CÁI
354	STMT60818-8		VÍT DẸP 3mmX100mm			36,000	CÁI
355	STMT60819-8		VÍT DẸP 3mm X 125mm			39,000	CÁI
356	STMT60821-8		VÍT DẸP 5mmX75mm			42,000	CÁI
357	STMT60822-8		VÍT DẸP 5 X 100mm, CÓ TỬ			48,000	CÁI

















MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT	QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
358	STMT60823-8	 TỖ VÍT DỆP CÓ TỪ 5mmX150mm 	12C/HỘP	CHINA	48,000	CÁI
359	STMT60824-8	VÍT DỆP 5mmX200mm			52,000	CÁI
360	STMT60825-8	VÍT DỆP 6.5 X 38mm, CÓ TỪ			45,000	CÁI
361	STMT60826-8	VÍT DỆP CÓ TỪ 6.5mm X 100mm			48,000	CÁI
362	STMT60827-8	VÍT DỆP 6.5 X 125mm, CÓ TỪ			52,000	CÁI
363	STMT60828-8	VÍT DỆP 6.5mmX150mm			55,000	CÁI
364	STMT60829-8	VÍT DỆP 6.5 X 200mm, CÓ TỪ			58,000	CÁI
365	STMT60830-8	VÍT DỆP 6.5mmX250mm			61,000	CÁI
366	STMT60831-8	VÍT DỆP 8mm X 150mm			60,000	CÁI
367	STMT60832-8	VÍT DỆP 8mmX200mm			65,000	CÁI
368	STMT60833-8	VÍT DỆP 8mmX250mm	69,000	CÁI		
369	STHT65180-8	 VÍT DỆP 3X75mm, CÓ TỪ	12C/HỘP	CHINA	34,000	CÁI
370	STHT65181-8	Tuốc nơ vít dẹt 3mm X 100mm			38,000	CÁI
371	STHT65182-8	VÍT DỆP 3X125mm, CÓ TỪ			35,000	CÁI
372	STHT65183-8	Tuốc nơ vít dẹt 3mm x 150mm			40,000	CÁI
373	STHT65187-8	Tuốc nơ vít dẹt 5mm x 100mm			44,000	CÁI
374	STHT65188-8	Tuốc nơ vít dẹt 5mm x 150mm			47,000	CÁI
375	STHT65189-8	Tuốc nơ vít dẹt 5mm x 200mm			51,000	CÁI
376	STHT65190-8	Tuốc nơ vít dẹt 6.5mm x 45mm			45,000	CÁI
377	STHT65191-8	Tuốc nơ vít dẹt 6.5mm x 100mm			48,000	CÁI
378	STHT65192-8	Tuốc nơ vít dẹt 6.5mm x 125mm			50,000	CÁI
379	STHT65193-8	VÍT DỆP 6.5 X 150mm, CÓ TỪ			55,000	CÁI
380	STHT65194-8	Tuốc nơ vít dẹt 6.5mm x 200mm			60,000	CÁI
381	STHT65195-8	VÍT DỆP 6.5 X 250mm, CÓ TỪ			65,000	CÁI
382	STHT65196-8	Tuốc nơ vít dẹt 8mm x 150mm			69,000	CÁI
383	STHT65197-8	VÍT DỆP 8.0 X 200mm, CÓ TỪ			74,000	CÁI
384	STHT65198-8	VÍT DỆP 8.0 X 250mm, CÓ TỪ			97,000	CÁI
385	1-65-250	 VÍT ĐÓNG BAKE 6mmX4" (100mm) X2PT	12C/HỘP	TAIWAN	80,000	CÁI
386	1-65-252	VÍT ĐÓNG BAKE 6mm X 6" (150mm)			85,000	CÁI
387	1-65-257	VÍT ĐÓNG BAKE 8mmX6"			106,000	CÁI
388	1-65-258	VÍT ĐÓNG BAKE 8mmX8" (200mm) X3PT			134,000	CÁI
389	1-65-247	 VÍT ĐÓNG DỆT 6mmX4" (100mm)	12C/HỘP	TAIWAN	80,000	CÁI
390	1-65-248	VÍT ĐÓNG DỆT 6mmX5" (125mm)			85,000	CÁI
391	1-65-251	TỖ VÍT DÓNG DỆT 6mmX5 2			90,000	CÁI
392	1-65-253	VÍT ĐÓNG DỆT 8mmX6"			106,000	CÁI
393	1-65-254	VÍT ĐÓNG DỆT 8mmX8" (200mm)			134,000	CÁI
394	1-65-255	TỖ VÍT DÓNG DỆT 8mmX10"			156,000	CÁI
395	1-65-256	TỖ VÍT DÓNG DỆT 8mmX12			180,000	CÁI
396	1-65-259	TỖ VÍT DÓNG DỆT 8mmX10 inCh X 3			156,000	CÁI
397	65-972	 TỖ VÍT BA-KE CÁCH ĐIỆN 1000V CHUẨN VDE 0PHX60mm	240C/THÙNG	TAIWAN	80,000	CÁI
398	65-973	TỖ VÍT BA-KE CÁCH ĐIỆN 1000V CHUẨN VDE 1PHX80mm	120C/THÙNG	TAIWAN	91,000	CÁI
399	65-974	TỖ VÍT BA-KE CÁCH ĐIỆN 1000V CHUẨN VDE 2PHX100mm	120C/THÙNG	TAIWAN	113,000	CÁI
400	65-975	Tuốc nơ vít bake 3PHx150mm chuyên dụng cách điện 1000V		TAIWAN	152,000	CÁI
401	65-967	TỖ VÍT DỆP CÁCH ĐIỆN 1000V CHUẨN VDE 4mmX100mm	120C/THÙNG	TAIWAN	75,000	CÁI
402	65-968	TỖ VÍT DỆP CÁCH ĐIỆN 1000V CHUẨN VDE 5.5mmX125mm	120C/THÙNG	TAIWAN	94,000	CÁI
403	65-969	TỖ VÍT DỆP CÁCH ĐIỆN 1000V CHUẨN VDE 6.5mmX150mm 	120C/THÙNG	TAIWAN	110,000	CÁI
404	STMT66670	 BỘ VÍT 2 CÂY STANLEY	24BỘ/HỘP	CHINA	96,000	BỘ














MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
405	STMT66671		BỘ TÔ VÍT 4 CÂY CÓ TỪ	24BỘ/HỘP	CHINA	190,000	BỘ
406	STMT66672		BỘ 6 CÂY TUỐC NƠ VÍT CÓ TỪ	24BỘ/HỘP	CHINA	262,000	BỘ
STANLEY							
407	STMT66673		BỘ 8 CÂY TUỐC NƠ VÍT CÓ TỪ	24BỘ/HỘP	CHINA	285,000	BỘ
408	STMT66679		BỘ TÔ VÍT 6 CÁI CÓ TỪ, TẶNG KÈM BÚT THỦ ĐIỆN	24BỘ/HỘP	CHINA	310,000	BỘ
409	STHT68012-8		TÔ VÍT 6-ĐẦU, Model: STHT68012-8	6C/HỘP	CHINA	99,000	CÁI
410	STHT68010-8		VÍT ĐA NĂNG TỰ ĐỘNG 10 MŨI VẠN VÍT	2C/HỘP	CHINA	145,000	CÁI
411	STMT68107		TÔ VÍT 4 ĐẦU CÁN SỢI THỦY Tinh 		CHINA	86,000	CÁI
412	68-070-23		BỘ MŨI VẠN VÍT 9 CÁI	6BỘ/HỘP	CHINA	45,000	BỘ
413	68-071-23		BỘ SET MŨI VẠN VÍT 29 CHI TIẾT	48 BỘ/THÙNG	CHINA	107,000	BỘ
414	68-072		BỘ SET MŨI VẠN VÍT 33 CHI TIẾT	48BỘ/THÙNG	CHINA	117,000	BỘ
415	68-075-23		Tua vít bộ đầu vạn vít (36 chi tiết)		CHINA	127,000	BỘ
416	STHT62511-8		TÔ VÍT 9 ĐẦU	6BỘ/HỘP	CHINA	225,000	CÁI
417	65-155-2		BỘ VÍT LỤC GIÁC HÌNH SAO 5 CÂY STANLEY	6BỘ/HỘP	CHINA	287,000	BỘ
418	STHT65242-8		Tuốc nơ vít bộ 6 cái		CHINA	255,000	BỘ
419	STHT92002-8		Tuốc nơ vít bộ 6pc (tặng bút thử điện)		CHINA	300,000	BỘ
420	STHT65199-8		BỘ VÍT 4 CÂY, CÓ TỪ	6BỘ/HỘP	CHINA	189,000	BỘ
421	65-201		BỘ TÔ VÍT 2 CÂY TRỞ ĐẦU	12BỘ/HỘP	CHINA	91,000	BỘ
422	65-980		BỘ VÍT 7 CÂY CHUYÊN DÙNG, CÁCH ĐIỆN 1000V	12BỘ/HỘP	TAIWAN	708,000	BỘ
423	STHT66039-8		BỘ VÍT ĐỒNG HỒ 6 CÂY (CÁN SẮT)	12BỘ/HỘP	CHINA	85,000	BỘ

MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
424	STHT66052-8		BỘ VÍT ĐỒNG HỒ (ĐIỆN TỬ), 6 CÂY, CÁN NHỰA	12BỘ/HỘP	CHINA	82,000	BỘ
425	STHT70887M		BỘ TÔ VÍT 49 CHI TIẾT KÈM TÚI ĐỰNG		CHINA	522,000	BỘ
426	66-119-S		BÚT THỬ ĐIỆN 150mm, (100-500V)	20C/HỘP	CHINA	19,000	CÁI
427	66-120-S		BÚT THỬ ĐIỆN 178mm, (100-500V)	20C/HỘP	CHINA	35,000	CÁI
428	66-137-S		BÚT THỬ ĐIỆN ĐIỆN TỬ STANLEY	20C/HỘP	CHINA	38,000	CÁI
429	66-133		BÚT THỬ ĐIỆN ĐIỆN TỬ STANLEY 20C/HỘP	20C/HỘP	CHINA	94,000	CÁI
STANLEY					CHINA		
430	STMT94099-8		LỤC GIÁC BÔNG THÂN DÀI 1.5mm (6pCs) 	6C/HỘP	CHINA	19,000	CÁI
431	STMT94100-8		LỤC GIÁC BÔNG THÂN DÀI 2mm (6pCs) 			19,000	CÁI
432	STMT94113-8		KHÓA LỤC GIÁC THÂN DÀI 3mm (6pCs) 	6C/HỘP	CHINA	17,000	CÁI
433	STMT94114-8		KHÓA LỤC GIÁC THÂN DÀI 4mm (6pCs) 			23,000	CÁI
434	STMT94102-8		BỘ LỤC GIÁ BÔNG 3mm (6 CÁI)	6C/BỘ	CHINA	24,000	BỘ
435	STMT94104-8		BỘ LỤC GIÁ BÔNG 5mm (6 CÁI)			35,000	BỘ
436	STMT94108-8		BỘ LỤC GIÁ BÔNG 8mm (6 CÁI)			61,000	BỘ
437	STMT94115-8		BỘ LỤC GIÁC DÀI 5mm (6 CÁI)			31,000	BỘ
438	STMT94116-8		BỘ LỤC GIÁC DÀI 6mm (6 CÁI)			39,000	BỘ
439	69-280		KHÓA LỤC GIÁC CHỮ T 2 ĐẦU 4.0mm	6C/HỘP	CHINA	56,000	CÁI
440	69-284-22		KHÓA LỤC GIÁC 2 ĐẦU CHỮ T 8.0mm 		TAIWAN	145,000	CÁI
441	69-213		BỘ LỤC GIÁC 10 CÂY HỆ M, 1.5mm - 10mm 6VÍ/HỘP	6 BỘ/HỘP	CHINA	95,000	BỘ
442	69-230		BỘ KHÓA LỤC GIÁC -Ring 10 CHI TIẾT HỆ inCH	6 BỘ/HỘP	CHINA	94,000	BỘ
443	STMT94551-8		BỘ LỤC GIÁC 7 CHI TIẾT	6BỘ/HỘP	CHINA	128,000	BỘ
444	69-252		BỘ KHÓA LỤC GIÁC 8 CHI TIẾT HỆ inCH	6BỘ/HỘP	CHINA	65,000	BỘ
445	69-251		BỘ LỤC GIÁC 8 CÂY HỆ M (1mm-6mm)	12BỘ/HỘP	CHINA	104,000	CÁI
446	69-259-22		BỘ KHÓA LỤC GIÁC , 9 TIẾT , HỆ inCH L, FOLDInG	12BỘ/HỘP	TAIWAN	160,000	BỘ
447	69-260		BỘ KHÓA LỤC GIÁC 5 CHI TIẾT HỆ inCH FOLDInG	12BỘ/HỘP	CHINA	146,000	BỘ
448	69-261		BỘ KHÓA LỤC GIÁC 7 CHI TIẾT (1.5-6mm) HỆ MET FOLDInG	12BỘ/HỘP	CHINA	110,000	BỘ
449	69-262		BỘ KHÓA LỤC GIÁC 7 CHI TIẾT (2.5-10mm) HỆ MET FOLDInG	12BỘ/HỘP	CHINA	151,000	BỘ
450	69-263		LỤC GIÁC 8 CÂY T9/T10/T15/T20/T25/T27/T30/T40	12BỘ/HỘP	CHINA	135,000	BỘ












MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
451	69-253		BỘ KHÓA LỤC GIÁC 10 CÁI 1.5 - 10mm	12BỘ/HỘP	CHINA	105,000	BỘ
452	69-254		BỘ KHÓA LỤC GIÁC 10 CÁI HỆ inCH			105,000	BỘ
453	69-257		BỘ LỤC GIÁC HỆ in 12 CHI TIẾT (1/16in - 3/8in)	6BỘ/HỘP	CHINA	290,000	BỘ
454	69-256		BỘ LỤC GIÁC BI 9 CÂY HỆ M (1.5mm-10mm)	6BỘ/HỘP	CHINA	204,000	BỘ
455	81-600-1-22		Ê-TÔ MẮM XOAY 75mm	1C/HỘP	TAIWAN	1,370,000	CÁI
456	81-601-1-22		Ê TÔ 4in CÓ MẮM XOAY (7.5KG)			1,390,000	CÁI
457	81-602-1-22		Ê TÔ 5in CÓ MẮM XOAY (11KG)			1,911,000	CÁI
458	81-603-1-22		Ê TÔ 6in CÓ MẮM XOAY (14.5 KG)			2,350,000	CÁI
459	81-604-1-22		Ê TÔ 8in CÓ MẮM XOAY (20.5KG)			3,492,000	CÁI
STANLEY							
460	83-032K		CÀO CHỮ C 33X50mm, 2X1-5/16in 83-032K	6C/HỘP	CHINA	64,000	CÁI
461	83-033K		CÀO CHỮ C MAXSTEEL, SIZE 75mm-3x57mm-2 1/4			131,000	CÁI
462	83-034K		CÀO CHỮ C 100mm-4 X 75mm-3			180,000	CÁI
463	83-036K		CÀO CHỮ C MAXSTEEL 8"			504,000	CÁI
464	14-302-23		KÉO CẮT CÀNH 8in/200mm	10C/HỘP	CHINA	142,000	CÁI
465	14-303-23		KÉO CẮT CÀNH STANLEY (8in/200mm)	10C/HỘP	CHINA	144,000	CÁI
466	STHT74995-8		KÉO CẮT CÀNH STANLEY (8in/200mm)	12C/HỘP	CHINA	330,000	CÁI
467	14-308-S		Kèm Cộng lực C 8 in/203mm -Model:14-308-S	6C/HỘP	CHINA	184,000	CÁI
468	14-312-S		KÌM CỘNG LỰC STANLEY (12 in/300mm)	6C/HỘP		327,000	CÁI
469	14-314-S		KÈM CỘNG LỰC 14in/355mm	6C/HỘP		409,000	CÁI
470	14-318-S		KÈM CỘNG LỰC 18in/450mm	6C/HỘP		450,000	CÁI
471	14-324-S		KÈM CỘNG LỰC 24in/600mm	2C/HỘP		572,000	CÁI
472	14-330-S		KÈM CỘNG LỰC 30in/750mm	1C/HỘP		818,000	CÁI
473	14-336-S		KÈM CỘNG LỰC 36in/ 900mm	1C/HỘP		1,096,000	CÁI
474	14-442-22		KÉO CẮT ỚNG NHỰA 42 mm	10C/HỘP	TAIWAN	320,000	CÁI
475	14-569-22		KÉO CẮT TÔN 7in/180mm	6C/HỘP	TAIWAN	208,000	CÁI
476	14-556-22		KÉO CẮT TÔN 10in/255mm			250,000	CÁI
477	14-558-22		KÉO CẮT TÔN 12in/305mm			301,000	CÁI
478	14-163		KÉO CẮT TÔN, 200mm-8	6C/HỘP	TAIWAN	260,000	CÁI
479	14-164		KÉO CẮT TÔN, 250mm-10			315,000	CÁI
480	14-165		KÉO CẮT TÔN, MỎ DÀI 12in/305mm PAGE 8			375,000	CÁI
481	14-166		KÉO CẮT TÔN, MỎ DÀI 14in/350mm			460,000	CÁI




MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
482	14-562-22		KÉO CẮT TÔN MŨI CONG TRÁI 10in, CÁN ĐỎ	6C/HỘP	TAIWAN	221,000	CÁI
483	14-563-22		KÉO CẮT TÔN MŨI THẲNG 10 in - CÁN VÀNG	6C/HỘP	TAIWAN	214,000	CÁI
484	14-564-22		KÉO CẮT TÔN MŨI CONG PHẢI 10in, CÁN XUNITED KINGDOM	6C/HỘP	TAIWAN	204,000	CÁI
485	84-000		KÈM RĂNG CHUYỂN DỪNG 6in/150mm, CAO CẤP CÁCH ĐIỆN 1000V	4C/HỘP	CHINA	297,000	CÁI
486	84-001		KÈM RĂNG CHUYỂN DỪNG 7in/180mm, CAO CẤP CÁCH ĐIỆN 1000V			330,000	CÁI
487	84-002		KÈM RĂNG CHUYỂN DỪNG 8in/200mm, CAO CẤP CÁCH ĐIỆN 1000V			351,000	CÁI
STANLEY							
488	84-003		Kềm cắt 7" cao cấp cách điện 1000v	4C/HỘP	CHINA	350,000	CÁI
489	84-004		KÈM CẮT CÁCH ĐIỆN 1000V CHUẨN VDE 8" 200mm	4C/HỘP	CHINA	388,000	CÁI
490	84-006		KÈM NHỌN CHUYỂN DỪNG 7in/180mm, CAO CẤP CÁCH ĐIỆN 1000V	4C/HỘP	CHINA	278,000	CÁI
491	84-007		KÈM NHỌN CHUYỂN DỪNG 8in/200mm, CAO CẤP CÁCH ĐIỆN 1000V			295,000	CÁI
492	84-008		Kềm VDE mỏ nhọn cong 8"			390,000	CÁI
493	84-009		KÈM CẮT CHUYỂN DỪNG 6in/150mm, CAO CẤP CÁCH ĐIỆN 1000V			310,000	CÁI
494	84-294		KÈM MỎ QUẠ 10in/250mm, CAO CẤP VDE	4C/HỘP	CHINA	422,000	CÁI
495	84-011		BỘ 3 KÈM CHUYỂN DỤNG CÁCH ĐIỆN 1000V VDE 3PCS SET (84-001,003,007)	4BỘ/HỘP	CHINA	880,000	BỘ
496	STHT84034-8		KÈM MỎ QUẠ /5 LỖ 8in, CÁN DÀY	6C/HỘP	CHINA	124,000	CÁI
497	STHT84024-8		KÈM MỎ QUẠ/5 LỖ 10in, CÁN DÀY			143,000	CÁI
498	STHT84021-8		KÈM MỎ QUẠ/5 LỖ 12in, CÁN DÀY			205,000	CÁI
499	STHT84026-8		KÈM KẸP 2 LỖ 8in	6C/HỘP	CHINA	101,000	CÁI
500	84-036		KÈM CẮT CÁN ĐỎ 4"100mm	6C/HỘP	CHINA	193,000	CÁI
501	STHT84124-8		KÈM CẮT 4in/102 mm	6C/HỘP	CHINA	90,000	CÁI
502	84-105-S		Kềm cắt 6"		CHINA	110,000	CÁI
503	STHT84027-8		KÈM CẮT 6in/150mm	6C/HỘP	CHINA	113,000	CÁI
504	STHT84028-8		KÈM CẮT 7in/180mm			128,000	CÁI
505	STMT91388-8		KÈM CẮT KIỂU NHẬT 6"	6C/HỘP	CHINA	311,000	CÁI
506	STHT84607-8		KÈM CẮT CAO CẤP 8" HEAVY DUTY	6C/HỘP	CHINA	179,000	CÁI










MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
507	84-112-S		Kềm điện 7"		CHINA	125,000	CÁI
508	84-113-S		KÈM ĐIỆN 8in/200mm	6C/HỘP	CHINA	125,000	CÁI
509	STHT84623-8		KÈM RĂNG (KÈM ĐIỆN TỔ HỢP) 6in/150mm	6C/HỘP	CHINA	134,000	CÁI
510	STHT84609-8		KÈM ĐIỆN TỔ HỢP 9"			236,000	CÁI
511	STHT84055-8		KÈM RĂNG 2 LỖ 6"	6C/HỘP	CHINA	95,000	CÁI
512	STHT84035-8		KÈM RĂNG 7in/180mm	6C/HỘP	CHINA	140,000	CÁI
513	STHT84029-8		KÈM RĂNG 8"	6C/HỘP	CHINA	154,000	CÁI
514	STHT84031-8		KÈM NHỌN 6in/150mm	6C/HỘP	CHINA	113,000	CÁI
515	STHT84032-8		KÈM NHỌN 8in/203mm			129,000	CÁI
516	STHT84122-8		KÈM MỎ NHỌN 4 in	6C/HỘP	CHINA	92,000	CÁI
517	STHT84119-8		KÈM NHỌN CÁN ĐEN 5in/125mm	6C/HỘP	CHINA	97,000	CÁI
STANLEY							
518	STHT84096-8		KÈM NHỌN 5in/127mm, MỎ DÀI	6C/HỘP	CHINA	98,000	CÁI
519	84-102-S		Kềm nhọn 8"		CHINA		CÁI
520	STHT84126-8		KÈM NHỌN MỎ CONG 5in/127mm	6C/HỘP	CHINA	60,000	CÁI
521	STHT84073-8		KÈM MŨI NHỌN DỆT 6"	6C/HỘP	CHINA	138,000	CÁI
522	STHT84071-8		KÈM NHỌN MỎ CONG 6in/150mm	6C/HỘP	CHINA	124,000	CÁI
523	84-054-S		KÈM MỎ NHỌN MŨI CONG 6" 150mm	6C/HỘP	CHINA	226,000	CÁI
524	STHT84072-8		KÈM NHỌN MỎ CONG 8in/200mm	6C/HỘP	CHINA	144,000	CÁI
525	STHT84075-8		KÈM TƯỚC DÂY 6in/150mm	6C/HỘP	CHINA	129,000	CÁI
526	84-475-22		KÈM TƯỚC DÂY ĐIỆN-AWG12-22, 150mm-6	6C/HỘP	TAIWAN	218,000	CÁI







MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
527	84-214-22		KIỂM TUỐT DÂY STANLEY	15C/HỘP	TAIWAN	90,000	CÁI
528	STHT84077-8		KÈM CÀNG CUA 6in/150mm, CÁN DÀY	6C/HỘP	CHINA	140,000	CÁI
529	84-281-S		KÌM CÀNG CUA 8" 200mm 	6C/HỘP	CHINA	93,000	CÁI
530	84-288		KÈM CÀNG CUA 8" 200mm			110,000	CÁI
531	84-282-23		KÈM CÀNG CUA 10in/250mm			124,000	CÁI
532	STHT84167-8		KÈM CÀNG CUA 8"	6C/HỘP	CHINA	246,000	CÁI
533	84-258-S		KÈM CẮT CẤP 10" 60mm ²	6C/HỘP	CHINA	169,000	CÁI
534	84-632-22				CHINA		CÁI
535	84-223-22		KÈM BẮM CỐT 9in	10C/HỘP	TAIWAN	92,000	CÁI
536	84-253-22		HỘP KÌM BẮM CỐT STANLEY	10BỘ/HỘP	TAIWAN	190,000	BỘ
537	STHT90162-8		BỘ KÈM 3 CÂY STANLEY (KÈM RĂNG 8", KÈM CẮT 6", KÈM MỎ NHỌN ")	6 BỘ/HỘP	CHINA	330,000	BỘ
STANLEY							
538	84-271-S		KÌM MỠ PHUNITED KINGDOM NGOÀI STANLEY 7in/175mm	12C/HỘP	CHINA	126,000	CÁI
539	84-272-S		KÈM MỠ PHUNITED KINGDOM STANLEY 7in/175Cm			137,000	CÁI
540	84-273-S		KÌM MỠ PHUNITED KINGDOM TRONG STANLEY 7in/175mm			143,000	CÁI
541	84-274-S		KÌM MỠ PHUNITED KINGDOM TRONG STANLEY 7in/175mm			127,000	CÁI
542	84-168-22		BỘ KÈM PHE 4 ĐẦU	20C/HỘP	TAIWAN	209,000	CÁI
543	84-367-1-S		KÈM BẮM 5in/127mm	6C/HỘP	CHINA	140,000	CÁI
544	84-368-1-S		KÈM BẮM 7in/175mm			154,000	CÁI
545	84-370-1-S		KÈM BẮM 7in/175mm			172,000	CÁI
546	84-369-1-S		KÈM BẮM 10in/254mm	6C/HỘP	CHINA	174,000	CÁI
547	84-371-1-S		KÌM CHẾT 10in/254mm			185,000	CÁI

MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
548	84-389-S		Kèm bấm chết 9.5" mô nhọn			191,000	CÁI
549	STHT69646-8		KÈM RÚT RIVE 3 LỖ	5C/HỘP	CHINA	167,000	CÁI
550	STHT69800-8		KÈM RÚT ĐINH (RIVE) 4 LỖ	6C/HỘP	CHINA	234,000	CÁI
551	TR45-S		SÚNG BẮN GHIM LOẠI NHE	6C/HỘP	TAIWAN	162,000	CÁI
552	TR150		SÚNG BẮN GHIM CAO CẤP	6C/HỘP	TAIWAN	316,000	CÁI
553	TR250		SÚNG BẮN GHIM + ĐINH LOẠI CAO CẤP CÓ ĐIỀU CHỈNH LỰC	6C/HỘP	TAIWAN	442,000	CÁI
554	TRA204T		LỖI GHIM LOẠI NHE 1/4'	672C/THÙNG	TAIWAN	26,000	CÁI
555	TRA205T		LỖI GHIM,8mm LOẠI NHE 1mm	576C/THÙNG		28,000	CÁI
556	TRA206T		LỖI GHIM 10mm LOẠI NHE ,1M	480C/THÙNG		30,000	CÁI
557	TRA704T		LỖI GHIM CAO CẤP 1/4"	56C/THÙNG		30,000	CÁI
558	TRA705T		LỖI GHIM CAO CẤP 5/16"	48C/THÙNG		34,000	CÁI
559	TRA706T		Bấm ghim kim bấm 3/8"			38,000	CÁI
560	TRA709T		LỖI GHIM CAO CẤP 9/16"	32C/THÙNG		40,000	CÁI
561	69-GR10C-23		SÚNG BẮN KEO 15W	6C/HỘP	CHINA	121,000	CÁI
562	69-GR20B-23		SÚNG DẪN KEO 240V/40W			218,000	CÁI
563	69-GR20C-23		SÚNG BẮN KEO STANLEY			186,000	CÁI
STANLEY							
564	69-GR25B-23		SÚNG BẮN KEO 40W ĐẦU TRÒN	6C/HỘP	CHINA	250,000	CÁI
565	69-GR15C-23		SÚNG BẮN KEO 15W ĐẦU DẸP	6C/HỘP	CHINA	169,000	CÁI
566	69-GR90B-23		SÚNG BẮN KEO 40W DÙNG Pin ĐẦU TRÒN	6C/HỘP	CHINA	335,000	CÁI
567	GS10DT		KEO NÉN 24CÁI 4" Mini DUAL	6C/HỘP	USA	35,000	CÁI
568	GS20DT		KEO NÉN 24 CÁI 4" 20DT-DUAL		USA	77,000	CÁI
569	GS25DT		KEO NÉN 12 CÁI 10" 25DT-DUAL			98,000	CÁI
570	GS500		KEO NÉN 6 CÁI 4" GS500-SUPER			20,000	CÁI

MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT			
571	69-031B		MÒ HÀN 30W/220V	6C/HỘP	TAIWAN	115,000	CÁI			
572	69-031C		MÒ HÀN THIẾT 30W/220V ĐẦU DẸP			150,000	CÁI			
573	69-033B		MÒ HÀN THIẾT ĐẦU TRÒN 45W/220V ROUND			191,000	CÁI			
574	69-033C		MÒ HÀN THIẾT 45W/220V ĐẦU DẸP			191,000	CÁI			
575	69-041B		MÒ HÀN THIẾT 100W/ 220V	6C/HỘP	TAIWAN	538,000	CÁI			
576	69-041C		SÚNG HÀN THIẾT ĐẦU DẸP 100W/220V FLAT	6C/HỘP	TAIWAN	514,000	CÁI			
577	78-031		SÚNG BƠM MỠ 400CC	6C/HỘP	CHINA	487,000	CÁI			
578	95-385-2V		SÚNG BƠM MỠ CẦM TAY			292,000	CÁI			
579	STMT78241-8		GIƯƠNG TRÒN SOI KỸ THUẬT	8C/HỘP	CHINA	96,000	CÁI			
580	87-058		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 08mm	6C/HỘP	TAIWAN	72,000	CÁI			
581	87-066		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 06mm			70,000	CÁI			
582	87-069		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 09mm			75,000	CÁI			
583	87-070		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 10mm			77,000	CÁI			
584	87-071		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 11mm			82,000	CÁI			
585	87-072		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 12mm			84,000	CÁI			
586	87-073		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 13mm			86,000	CÁI			
587	87-074		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 14mm			92,000	CÁI			
588	87-075		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 15mm			99,000	CÁI			
589	87-076		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 16mm			106,000	CÁI			
590	87-077		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 17mm			108,000	CÁI			
591	87-078		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 18mm			110,000	CÁI			
592	87-079		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 19mm			111,000	CÁI			
593	87-080		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 20mm			135,000	CÁI			
594	87-081	CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 21mm	129,000	CÁI						
595	87-082	CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 22mm	136,000	CÁI						
596	87-083	CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 23mm	153,000	CÁI						
STANLEY										
597	87-084		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 24mm	4C/HỘP	TAIWAN	156,000	CÁI			
598	87-085-1		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 25mm			189,000	CÁI			
599	87-086-1		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 26mm			193,000	CÁI			
600	87-087		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 27mm			205,000	CÁI			
601	87-090		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 30mm			248,000	CÁI			
602	87-092		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 32mm			269,000	CÁI			
603	87-263-22		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 33mm			447,000	CÁI			
604	87-264-22		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 34mm			447,000	CÁI			
605	87-265-22		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 35mm			520,000	CÁI			
606	87-266-22		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 36mm			520,000	CÁI			
607	87-268-22		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL 38mm			550,000	CÁI			
608	STMT79107-8B					CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 12 mm SL	10C/HỘP	TAIWAN	75,000	CÁI
609	STMT79108-8B					CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 13 mm SL 			56,000	CÁI
610	STMT79112-8B					CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 17 mm SL			108,000	CÁI
611	STMT79113-8B	CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 18 mm SL		110,000	CÁI					
612	STMT79114-8B	CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 19 mm SL		112,000	CÁI					
613	STMT79118-8B	CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 23 mm SL		146,000	CÁI					
614	STMT80215-8		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG BASIC 6mm 			23,000	CÁI			
615	STMT80217-8		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG BASIC 8mm 			24,000	CÁI			

MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT	QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
616	STMT80220-8		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 11mm	INDIA	28,000	CÁI
617	STMT80222-8		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG BASIC 12mm		29,000	CÁI
618	STMT80224-8		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG BASIC 14mm		32,000	CÁI
619	STMT80225-8		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 15mm		43,000	CÁI
620	STMT80226-8		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 16mm		43,000	CÁI
621	STMT80229-8		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 17mm		48,000	CÁI
622	STMT80233-8		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 19mm		54,000	CÁI
623	STMT80234-8		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 20mm		60,000	CÁI
624	STMT80235-8		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 21mm		62,000	CÁI
625	STMT80236-8		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 22mm		68,000	CÁI
626	STMT80238-8		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 23mm		90,000	CÁI
627	STMT80240-8		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 25mm		110,000	CÁI
628	STMT80241-8		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 26mm		117,000	CÁI
629	STMT80242-8		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 27mm		138,000	CÁI
630	STMT80243-8		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 28mm		143,000	CÁI
631	STMT80244-8		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 30mm		190,000	CÁI
632	STMT80245-8	CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 32mm	202,000	CÁI		
633	STMT80248-8B	CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 3/8"	21,000	CÁI		
634	STMT80250-8B	CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 7/16"	22,000	CÁI		
635	STMT72805-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 8mm	TAIWAN	55,000	CÁI
636	STMT72806-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 9 mm		56,000	CÁI
637	STMT72808-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 11 mm		61,000	CÁI
638	STMT72810-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 13mm		62,000	CÁI
639	STMT72810-8		Cờ lê 13mm		85,000	CÁI
640	STMT72812-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 15 mm		78,000	CÁI
641	STMT72813-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 16 mm		68,000	CÁI
642	STMT72815-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 18 mm		87,000	CÁI
643	STMT72819-8B		CỜ LÊ ĐẦU TRÒNG ĐẦU MỠ 22 M		148,000	CÁI
644	STMT72820-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 23 mm		155,000	CÁI
645	STMT72821-8		Cờ lê 24mm		172,000	CÁI
646	STMT72822-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 25 mm		167,000	CÁI
647	STMT72824-8B		Cờ lê 27mm		190,000	CÁI
648	STMT72825-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 28 mm		250,000	CÁI
649	STMT72826-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 29 mm		251,000	CÁI
650	STMT72827-8B		CỜ LÊ ĐẦU TRÒNG ĐẦU MỠ 30M		196,000	CÁI
651	STMT72828-8B	Cờ lê 32mm	315,000	CÁI		
STANLEY						
652	STMT72839-8		CỜ LÊ 2 ĐẦU MIỆNG 8X10 mm	TAIWAN	103,000	CÁI
653	STMT72840-8B		CỜ LÊ 2 ĐẦU MIỆNG 10X12 mm		71,000	CÁI
654	STMT72843-8B		CỜ LÊ 2 ĐẦU MIỆNG 12X14 mm		87,000	CÁI
655	STMT72844-8B		CỜ LÊ 2 ĐẦU MIỆNG 12X13 mm		78,000	CÁI
656	STMT72848-8B		CỜ LÊ 2 ĐẦU MIỆNG 18X19mm		123,000	CÁI
657	STMT72849-8B		CỜ LÊ 2 ĐẦU MIỆNG 17X19 mm		123,000	CÁI
658	STMT72852-8B		CỜ LÊ 2 ĐẦU MIỆNG 21X23 mm		161,000	CÁI
659	STMT80215-8B		Cờ lê vòng miệng 6mm		18,000	CÁI
660	STMT80216-8B		Cờ lê vòng miệng 7mm		18,000	CÁI
661	STMT80217-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 8mm		19,000	CÁI
662	STMT80218-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 9mm		20,000	CÁI
663	STMT80219-8		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG BASIC 10mm		22,000	CÁI
664	STMT80219-8B		Cờ lê vòng miệng 10mm		21,000	CÁI
665	STMT80220-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 11mm		22,000	CÁI

MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT	QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT	
666	STMT80222-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 12mm	INDIA	25,000	CÁI	
667	STMT80223-8B		Cờ lê vòng miệng 13mm		25,000	CÁI	
668	STMT80224-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG Basic 14mm		10C/HỘP	28,000	CÁI
669	STMT80225-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 15mm		33,000	CÁI	
670	STMT80226-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG STANLEY 16mm		35,000	CÁI	
671	STMT80229-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG STANLEY 17mm		38,000	CÁI	
672	STMT80231-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 18mm (NEW)		40,000	CÁI	
673	STMT80233-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG STANLEY 19mm		41,000	CÁI	
674	STMT80234-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG BASIC 20mm		43,000	CÁI	
675	STMT80235-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG STANLEY 21mm		44,000	CÁI	
676	STMT80236-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG STANLEY 22mm		53,000	CÁI	
677	STMT80238-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG STANLEY 23mm		65,000	CÁI	
678	STMT80239-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG BASIC 24mm		70,000	CÁI	
679	STMT80240-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG BASIC 25mm		85,000	CÁI	
680	STMT80241-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG BASIC 26mm		95,000	CÁI	
681	STMT80242-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG STANLEY 27mm		103,000	CÁI	
682	STMT80243-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG BASIC 28mm		104,000	CÁI	
683	STMT80244-8B		CỜ LÊ VÒNG MIỆNG STANLEY 30mm		140,000	CÁI	
684	STMT80245-8B	CỜ LÊ VÒNG MIỆNG STANLEY 32mm	154,000	CÁI			
685	87-099-1		CỜ LÊ 2 ĐẦU MIỆNG 12X13mm 	20C/HỘP	CHINA	65,000	CÁI
686	87-677-1		CỜ LÊ 2 ĐẦU MIỆNG HỆ in-5/16"X3/8"	6C/HỘP	TAIWAN	76,000	CÁI
687	STMT72859-8B		CỜ LÊ 2 ĐẦU VÒNG GÓC LƯỢNG 45 ĐỘ - 8x10	10C/HỘP	TAIWAN	74,000	CÁI
688	STMT72861-8B		CỜ LÊ 2 ĐẦU VÒNG GÓC LƯỢNG 45 ĐỘ - 11X13			87,000	CÁI
689	STMT72862-8B		CỜ LÊ 2 ĐẦU VÒNG GÓC LƯỢNG 45 ĐỘ - 12x14			96,000	CÁI
690	STMT72869-8B		CỜ LÊ 2 ĐẦU VÒNG GÓC LƯỢNG 45 ĐỘ - 22x24			5C/HỘP	180,000
691	87-801-1		CỜ LÊ 2 ĐẦU VÒNG GÓC LƯỢNG 75 ĐỘ 6X7mm	6C/HỘP	TAIWAN	103,000	CÁI
692	87-802-1		CỜ LÊ 2 ĐẦU VÒNG GÓC LƯỢNG 75 ĐỘ 8X9mm			102,000	CÁI
693	87-803-1		CỜ LÊ 2 ĐẦU VÒNG GÓC LƯỢNG 75 ĐỘ 10X11mm			112,000	CÁI
694	87-804-1		CỜ LÊ 2 ĐẦU VÒNG GÓC LƯỢNG 75 ĐỘ 12X13mm			121,000	CÁI
695	87-806-1		CỜ LÊ 2 ĐẦU VÒNG GÓC LƯỢNG 75 ĐỘ 16X17mm			146,000	CÁI
696	87-807-1		CỜ LÊ 2 ĐẦU VÒNG GÓC LƯỢNG 75 ĐỘ 18X19mm			167,000	CÁI
697	87-810-1		CỜ LÊ 2 ĐẦU VÒNG GÓC LƯỢNG 75 ĐỘ 24X27mm			237,000	CÁI
698	87-812-1		CỜ LÊ 2 ĐẦU VÒNG GÓC LƯỢNG 75 ĐỘ 30X32mm			291,000	CÁI
STANLEY							
699	87-576-1		BỘ CỜ LÊ 2 ĐẦU VÒNG GÓC LƯỢNG 75 ĐỘ HỆ M 8 CHI TIẾT	10C/HỘP	TAIWAN	1,134,000	BỘ
700	87-617-3		BỘ CỜ LÊ 2 ĐẦU VÒNG GÓC LƯỢNG 75 ĐỘ HỆ M 11 CHI TIẾT	10C/HỘP	TAIWAN	1,327,000	BỘ
701	87-714		BỘ CỜ LÊ 2 ĐẦU VÒNG 7 CHI TIẾT 	-	TAIWAN	1,084,000	BỘ

MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
702	STMT74175-8C		BỘ KHẨU 1/4" 64 CHI TIẾT HỆ M NEW	1 BỘ/HỘP	TAIWAN	1,627,000	BỘ
703	STMT74897-8C		16PC CỜ LÊ VÒNG MIỆNG MODULE	1 BỘ/HỘP	TAIWAN	1,834,000	BỘ
704	STMT78096-8		BỘ CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 13 CHI TIẾT KHAY NHỰA, HỆ inCH 1/4	6 BỘ/HỘP	INDIA	599,000	BỘ
705	STMT78097-8		BỘ CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 12 CHI TIẾT KHAY NHỰA, 6-24 mm	6 BỘ/HỘP	INDIA	498,000	BỘ
706	STMT78098-8		BỘ CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 9 CHI TIẾT KHAY NHỰA, 8-17 mm	12 BỘ/HỘP	INDIA	274,000	BỘ
707	STMT78099-8		BỘ CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 8 CHI TIẾT KHAY NHỰA, 8-19 mm	12 BỘ/HỘP	INDIA	265,000	BỘ
708	STMT80941-8		BỘ CỜ LÊ VÒNG MIỆNG -HỆ M 9 CÁI	16 BỘ/HỘP	INDIA	287,000	BỘ
709	STMT80942-8		BỘ CỜ LÊ VÒNG MIỆNG-HỆ M 11 CÁI	8 BỘ/HỘP	INDIA	461,000	BỘ
710	STMT80943-8		BỘ CỜ LÊ VÒNG MIỆNG - HỆ M 12 CÁI	8 BỘ/HỘP	INDIA	515,000	BỘ
711	87-011-1		BỘ CỜ LÊ VÒNG MIỆNGSL 8 CHI TIẾT MET	20 BỘ/THÙNG	TAIWAN	791,000	BỘ
712	87-033-1		BỘ CỜ LÊ VÒNG MIỆNGSL 9 CHI TIẾT MET	16 BỘ/THÙNG	TAIWAN	852,000	BỘ
713	87-709-1		BỘ CỜ LÊ VÒNG MIỆNG SL HỆ inCH 14 CHI TIẾT	1 BỘ/HỘP	TAIWAN	1,971,000	BỘ
714	87-716-1		BỘ CỜ LÊ 2 ĐẦU MIỆNG HỆ M 6 CHI TIẾT		TAIWAN	547,000	BỘ
715	87-718-1		BỘ CỜ LÊ 2 ĐẦU MIỆNG HỆ M 8 CHI TIẾT	1 BỘ/HỘP	TAIWAN	794,000	BỘ
716	STMT73663-8		BỘ CỜ LÊ 2 ĐẦU MIỆNG 6 CHI TIẾT NEW	1 BỘ/HỘP	TAIWAN	591,000	BỘ
717	STMT73664-8		Cờ lê hệ mét 2 đầu vòng (bộ 6c) NEW	1 BỘ/HỘP	TAIWAN	768,000	BỘ
STANLEY							
718	STMT78092-8		BỘ CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 14 CHI TIẾT 8-24mm	1 BỘ/HỘP	INDIA	450,000	BỘ
719	STMT80944-8		BỘ CỜ LÊ 14 CHI TIẾT STANLEY 80-944 8, 9, 10, 12, 13, 14, 17, 19, 21, 22, 24, 27, 30,32mm	1 BỘ/HỘP	INDIA	880,000	BỘ

MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
720	STMT80946-8		BỘ CỜ LÊ 14 CHI TIẾT STANLEY 80-946 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 19, 21, 22,24mm	1 BỘ/HỘP	INDIA	540,000	BỘ
721	STMT73647-8		BỘ CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 14 CHI TIẾT	1 BỘ/HỘP	TAIWAN	1,150,000	CÁI
722	87-036-1		BỘ CỜ LÊ ĐẦU TRÒNG, ĐẦU MỠ 14 CHIẾC 8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,19,21,22,24mm	10 BỘ/HỘP	TAIWAN	1,122,000	BỘ
723	87-038-1		BỘ CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 14 CHI TIẾT, 10-32mm	1 BỘ/HỘP	TAIWAN	1,700,000	BỘ
724	93-616		BỘ CỜ LÊ VÒNG MIỆNG 23 CHI TIẾT	4 BỘ/HỘP	CHINA	2,956,000	BỘ
725	STMT78020-8		DỤNG CỤ NHẶT ỐC VÍT CÓ TỬ 	10C/HỘP	CHINA	166,000	CÁI
726	87-393-1		CỜ LÊ MỠ ỚNG DẦU 12X14mm	6C/HỘP	TAIWAN	112,000	CÁI
727	87-448-22		CỜ LÊ 3 CHIỀU VẠN GÓC HẸP 22mm/ 7/8"	10C/HỘP	TAIWAN	224,000	CÁI
728	STMT78229-8		CỜ LÊ MỠ LỌC NHỚT 89-98mm	6C/HỘP	CHINA	164,000	CÁI
729	STMT73589-8		CỜ LÊ LỰC 1/2" / 20-100NM	1C/HỘP	TAIWAN	2,350,000	CÁI
730	STMT73591-8		Dụng cụ siết bulon cầm tay - Cần siết chỉnh lực	1C/HỘP		2,800,000	CÁI
731	STMT78056-8		Máy vận bulon dùng hơi, 1/2"	1C/HỘP		1,521,000	CÁI
732	STMT86407-8B		CẦN NỐI DÀI 1/2" 125mm	6C/HỘP	TAIWAN	55,000	CÁI
733	STMT86408-8B		CẦN NỐI DÀI 1/2" 250mm	12C/HỘP	TAIWAN	106,000	CÁI
734	STMT86493-8B		Tay vận bulong L 1/2"			109,000	CÁI
735	STMT86411-8B		ĐẦU KHẨU LẮC LÉO 1/2"	10C/HỘP	TAIWAN	79,000	CÁI
736	STMT89451-8B		ĐẦU KHẨU DÀNH CHO SÚNG KHÍ NÉN 1/2" 24mm	10C/HỘP	TAIWAN	70,000	CÁI
737	STMT89319-8B		ĐẦU KHẨU 3/4" 6PT 19mm	4C/HỘP	TAIWAN	125,000	CÁI
738	STMT93304-8		TAY VẠN KHẨU CHỮ T 10mm	10C/HỘP	TAIWAN	123,000	CÁI
739	STMT93306-8		TAY VẠN KHẨU CHỮ T 12mm			137,000	CÁI
740	STMT93308-8		TAY VẠN KHẨU CHỮ T 14mm			143,000	CÁI

MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
741	STMT94030-8		TAY VẬN KHẨU CHỮ THẬP 	2C/HỘP	CHINA	319,000	CÁI
STANLEY							
742	STMT89303-8B		CÀN TRƯỢT 3/4"	2C/HỘP	TAIWAN	429,000	CÁI
743	86-440-1		CÀN TRƯỢT CHỮ T 1/2"DR 243mm		TAIWAN	143,000	CÁI
744	86-413-1		CÀN SIẾT ĐẦU LẮC LÉO 1/2"DR 439mm	6C/HỘP	CHINA	260,000	CÁI
745	STMT95893-8B		CÀN SIẾT TỰ ĐỘNG 1/2"		TAIWAN	356,000	CÁI
746	STMT86397-8B		Tay vận bulong tự động 1/2"			220,000	CÁI
747	87-720-1		CÀN VẬN TỰ ĐỘNG 1/2"	4C/HỘP	TAIWAN	210,000	CÁI
748	STMT89819-8B		CÀN SIẾT TỰ ĐỘNG 1/2" P7	6C/HỘP	TAIWAN	412,000	CÁI
749	STMT91316-8B		CÀN SIẾT TỰ ĐỘNG 3/4"	2C/HỘP	TAIWAN	771,000	CÁI
750	STMT73587-8		Dụng cụ siết bulon cầm tay - Càn siết chỉnh lực			2,252,000	BỘ
751	STMT73588-8		Dụng cụ siết bulon cầm tay - Càn siết chỉnh lực			2,300,000	BỘ
752	86-478		BỘ KHẨU 1/2 SQ. DR. 25 CHI TIẾT 12PT HỆ inCH	4C/HỘP	CHINA	1,120,000	BỘ
753	86-501		BỘ KHẨU 1/2"DR 14 CHI TIẾT 12PT HỆ MET		TAIWAN	819,000	BỘ
754	89-092-1		BỘ KHẨU 1/2"DR 16 CHI TIẾT 12PT HỆ MET	1 BỘ/HỘP	TAIWAN	1,066,000	BỘ
755	89-099-1		BỘ KHẨU 1/2" ĐẦU VÍT LỤC GIÁC 7 CHI TIẾT	6 BỘ/HỘP	CHINA	417,000	BỘ
756	89-101		BỘ KHẨU 3/4" 19 CHI TIẾT	4 BỘ/THÙNG	TAIWAN	4,310,000	BỘ
757	89-507		BỘ KHẨU 1/4" 21 CHI TIẾT	4 BỘ/THÙNG	CHINA	647,000	BỘ
758	89-516		BỘ KHẨU 3/8" 46 CHI TIẾT	4 BỘ/THÙNG	CHINA	1,206,000	BỘ
759	STMT74173-8C		BỘ KHẨU 23 CHI TIẾT 12DR 6pts	4 BỘ/THÙNG	TAIWAN	1,736,000	BỘ

MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
760	STMT74175-8		BỘ KHẨU 60 CHI TIẾT 1/4in	4 BỘ/THÙNG	TAIWAN	1,175,000	BỘ
761	STMT74183-8		Hộp dụng cụ (sắt) bộ tuýp 24c			1,850,000	BỘ
762	STMT74726-8C		BỘ KHẨU 23 CHI TIẾT 12DR 6pts	4 BỘ/THÙNG	TAIWAN	1,803,000	BỘ
763	STMT75095-8C		BỘ KHẨU 1/2" 12PT 23 CHI TIẾT HỘP NHỰA	4 BỘ/THÙNG	TAIWAN	1,809,000	BỘ
764	86-477		BỘ KHẨU 1/2" 12 CẠNH GỒM 27 CHI TIẾT HỆ M (10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21,22,23,24,25, 26, 27,30,32mm)	4 BỘ/THÙNG	CHINA	1,100,000	BỘ
STANLEY					CHINA		
765	86-477-6		BỘ KHẨU 1/2"DR 27 CHI TIẾT HỆ MET 6PT MET	4 BỘ/THÙNG	CHINA	1,300,000	BỘ
766	89-035-1		BỘ TUÝT 24 CHI TIẾT STANLEY 3/8"(6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-18-19-20-21-22-23-24mm)	8 BỘ/THÙNG	CHINA	1,050,000	BỘ
767	86-589-1		BỘ TUÝP 25 CHI TIẾT STANLEY 1/2", 10-32 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 27, 30, 32	4 BỘ/THÙNG	CHINA	1,432,000	BỘ
768	89-518-1		BỘ KHẨU 1/4"& 3/8" GỒM 37 CHI TIẾT 1/4" 6 CẠNH(4,5,6,7,8,9,10,11,12mm) 3/8" 12 CẠNH(8,10,11,12,13,14,16,17,19mm) 1/4" 6 CẠNH(3/16,7/32,1/4,9/32,5/16,11/32,3/8,7/16,1/2) 3/8 12 CẠNH(8,7/16,1/2,9/16,5/8,11/16,3/4)	1 BỘ/HỘP	CHINA	906,000	BỘ
769	87-430-1-S		MỎ LẾT 4in/10Cm	6C/HỘP	CHINA	98,000	CÁI
770	STMT87431-8		MỎ LẾT 6in/15Cm			105,000	
771	STMT87432-8		MỎ LẾT 8in/20Cm			132,000	
772	STMT87433-8		MỎ LẾT 10in/25Cm			159,000	
773	STMT87434-8		MỎ LẾT 12in/30Cm			172,000	
774	STMT87435-8		MỎ LẾT 15in/37.5Cm			390,000	
775	87-371-1-S		MỎ LẾT 18in/45Cm			572,000	
776	87-796-S		MỎ LẾT STANLEY 18in/45Cm	1C/ HỘP	CHINA	690,000	CÁI
777	97-797-S		MỎ LÉCH 24 inCH			1,080,000	
778	90-947-22		MỎ LẾT MAXSTEEL 6in/160mm	6C/HỘP	CHINA	145,000	CÁI
779	90-948-22		MỎ LẾT MAXSTEEL 8in/200mm			220,000	
780	90-949-22		MỎ LẾT MAXSTEEL 10in/250mm			300,000	
781	90-950-22		MỎ LẾT MAXSTEEL 12in/300mm			378,000	

MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
782	84-451-S		Mỏ lếch răng cán nhôm 10"			334,000	CÁI
783	84-463-S		MỎ LẾCH RĂNG CÁN NHÔM 12"		CHINA	391,000	CÁI
784	84-465-S		Mỏ lếch răng cán nhôm 14"			550,000	CÁI
785	84-466-S		Mỏ lếch 18" cán nhôm			683,000	CÁI
786	84-467-S		Mỏ lếch răng cán nhôm 24"			1,352,000	CÁI
787	87-620-S		KÌM NƯỚC 6in/150mm (MỎ LẾT RĂNG)	6C/HỘP	CHINA	124,000	CÁI
788	87-621-S		KÌM NƯỚC 8in/200mm (MỎ LẾT RĂNG)			155,000	CÁI
789	87-622-S		KÌM NƯỚC 10in/250mm (MỎ LẾT RĂNG)			176,000	CÁI
790	87-623-S		KÌM NƯỚC 12in/300mm (MỎ LẾT RĂNG)			278,000	CÁI
791	87-624-S		KÌM NƯỚC 14in/350mm (MỎ LẾT RĂNG)			333,000	CÁI
792	87-625-S		KÌM NƯỚC 18in/450mm (MỎ LẾT RĂNG)			482,000	CÁI
793	87-626-S		KÌM NƯỚC 24in/600mm (MỎ LẾT RĂNG)			779,000	CÁI
794	87-627-S		KÌM NƯỚC 36in/915mm (MỎ LẾT RĂNG)			1,590,000	CÁI
795	STMT70116-8		MÁY VẠN ỐC BU-LÔNG 3/8 244NM BĂNG KHÍ NÉN	4C/HỘP	CHINA	2,000,000	CÁI
STANLEY							
796	STMT99300-8		SÚNG VẠN KHẨU KHÍ NÉN 2 BÚA 610 N-m (450 ft-lbs)	4C/HỘP	CHINA	2,958,000	CÁI
797	STMT74840-8		MÁY VẠN ỐC BU-LÔNG 1/2 BĂNG KHÍ NÉN	10C/THÙNG	TAIWAN	3,400,000	CÁI
798	90-596N-23		BỘ DỤNG CỤ 7 CHI TIẾT	1 BỘ/HỘP	CHINA	541,000	BỘ
799	90-597-23		BỘ CỤ PHỔ THÔNG 18 CHI TIẾT	2 BỘ/HỘP	CHINA	1,474,000	BỘ
800	92-006-23		BỘ ĐỒ NGHỀ 25 CHI TIẾT GENERAL TOOLS SET	1 BỘ/HỘP	CHINA	1,149,000	BỘ
801	92-010-23C		BỘ DỤNG CỤ 22 CHI TIẾT	1 BỘ/HỘP	CHINA	1,200,000	BỘ
802	STST509104		TÚI ĐEO ĐỰNG ĐỒ NGHỀ 9"	12C/HỘP	CHINA	100,000	CÁI

MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
803	92-005-1-23		BỘ DỤNG CỤ 22 CHI TIẾT		CHINA	1,404,000	BỘ
804	STST516126		TÚI DỤNG ĐỒ NGHỀ (450X275X235mm) STANLEY	1C/HỘP	CHINA	460,000	CÁI
805	STST74301-8		KHAY DỤNG ĐỒ NGHỀ 16 inCH	3C/THÙNG	CHINA	300,000	CÁI
806	STST1-70736		THÙNG DỤNG PHỤ KIỆN NHIỀU NGĂN 50Cm		ISRAEL	601,000	CÁI
807	STST1-79203		THÙNG DỤNG PHỤ KIỆN NHIỀU NGĂN 24"		ISRAEL	642,000	CÁI
808	STST73697-8		THÙNG ĐỒ NGHỀ 15in (38 X 19 X 15Cm)	12C/THÙNG	MALAYSIA	166,000	CÁI
809	STST73696-8		THÙNG ĐỒ NGHỀ 16in (41 X 24 X 16Cm)	9C/THÙNG		226,000	CÁI
810	STST73691-8		THÙNG DỤNG ĐỒ NGHỀ- FLAT TOP 17.5"	6C/THÙNG		302,000	CÁI
811	STST16400		Hộp dụng cụ (nhựa) 16" khóa sắt		CHINA	430,000	CÁI
812	STST73100-8		THÙNG DỤNG ĐỒ NGHỀ BẰNG THÉP 19" 221X471X236mm	1C/THÙNG	CHINA	960,000	CÁI
813	94-192-23		Hộp dụng cụ (sắt) 18" (3 ngăn)	1C/THÙNG	CHINA	494,000	CÁI
STANLEY							
814	STST1-71963		THÙNG DỤNG ĐỒ NGHỀ VÀ PHỤ KIỆN 3 TRONG 1 .CÓ NHIỀU NGĂN	1C/THÙNG	ISRAEL	872,000	CÁI
815	STST14440		THÙNG DỤNG PHỤ KIỆN NHIỀU NGĂN	4C/THÙNG	USA	510,000	CÁI
816	STST19900		THÙNG DỤNG ĐỒ NGHỀ VÀ PHỤ KIỆN 2 TRONG 1 .CÓ NHIỀU NGĂN	2C/THÙNG	USA	884,000	CÁI
817	1-92-064		THÙNG DỤNG ĐỒ NGHỀ 12.5 inCH KHÓA KIM LOẠI		ISRAEL	194,000	CÁI
818	STST19005		THÙNG DỤNG ĐỒ NGHỀ 19" KHÓA KIM LOẠI	4C/THÙNG	USA	503,000	CÁI
819	STST24113		THÙNG DỤNG ĐỒ NGHỀ 24" KHÓA KIM LOẠI	2C/THÙNG	USA	644,000	CÁI

MÔ TẢ		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		QUY CÁCH	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐVT
820	1-97-512		THÙNG ĐỰNG ĐỒ NGHỀ 4 CHÂN KHÓA NHÔM 22"		ISRAEL	715,000	CÁI
821	1-94-749		THÙNG ĐỰNG ĐỒ NGHỀ CHỐNG NƯỚC 23"	3C/THÙNG		845,000	CÁI
822	STST1-70317		THÙNG ĐỒ NGHỀ 19in+KHAY ĐỰNG PHỤ KIỆN			1,007,000	CÁI
823	1-97-514		THÙNG ĐỰNG ĐỒ NGHỀ CÓ KHAY ĐỰNG PHỤ KIỆN 24"			1,082,000	CÁI
824	FMST1-71219		THÙNG ĐỰNG ĐỒ NGHỀ ĐA TẦNG 18inCh			1,129,000	CÁI
825	1-92-904		THÙNG ĐỰNG ĐỒ NGHỀ CÓ BÁNH XE 61 x 42 x 38 Cm			1,675,000	CÁI
826	STST18613		VALI ĐỰNG ĐỒ NGHỀ CÓ BÁNH XE 3 TRONG 1		USA	1,583,000	CÁI
827	1-94-850		THÙNG ĐỰNG VALI ĐỒ NGHỀ CÓ BÁNH XE 30GL/113L		ISRAEL	3,584,000	CÁI
828	STST74316-8		Thùng ĐỰNG ĐỒ NGHỀ CÓ BÁNH XE ĐẨY 18"		CHINA	3,000,000	CÁI
829	STST74306-8		Kệ dụng cụ 27" - 7 ngăn			10,164,000	CÁI
830	STMT99069-8		TỦ ĐỰNG ĐỒ NGHỀ 4 NGĂN CÓ BÁNH XE ĐẨY	1C/THÙNG	CHINA	10,812,000	CÁI
831	93-547-23		Kệ dụng cụ 7 ngăn		CHINA	15,900,000	CÁI

STANLEY